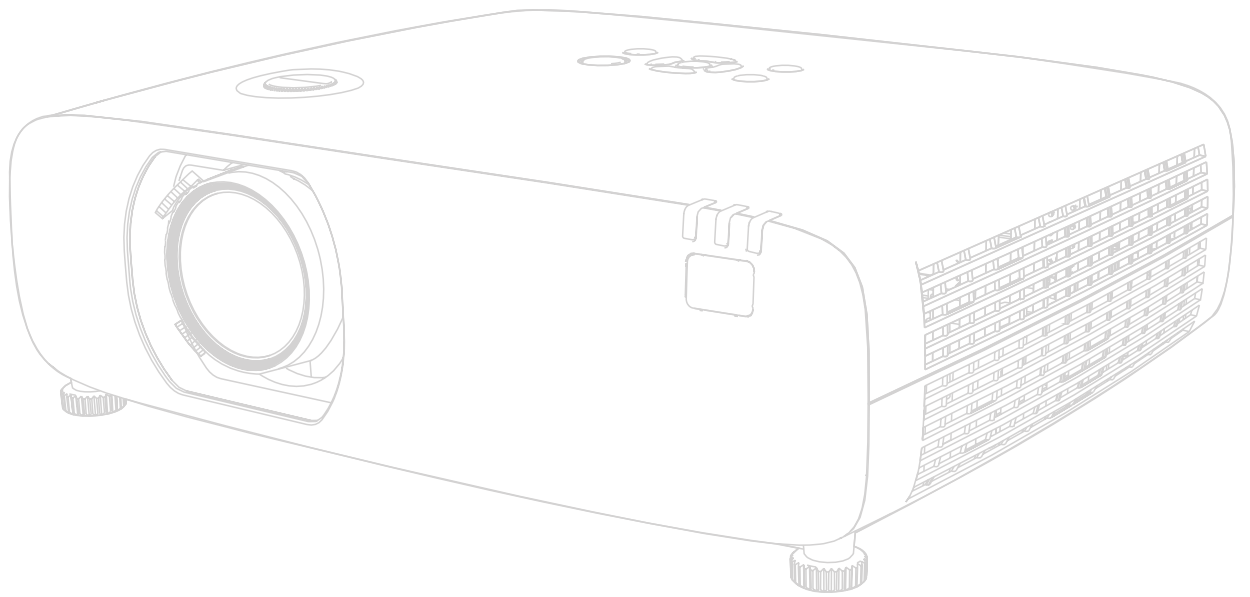


# LSC520WU

# LSC521WU

Máy chiếu

Sổ hướng dẫn sử dụng



QUAN TRỌNG: Vui lòng đọc Sổ hướng dẫn sử dụng này để có được thông tin quan trọng về cách cài đặt và sử dụng sản phẩm của bạn một cách an toàn, cũng như cách đăng ký sản phẩm để được bảo hành trong tương lai. Thông tin bảo hành có trong Hướng dẫn sử dụng này sẽ mô tả phạm vi bảo hành giới hạn của bạn từ phía ViewSonic® Corporation, và cũng được trình bày trên trang web của chúng tôi tại địa chỉ <http://www.viewsonic.com> bằng tiếng Anh hoặc bằng các ngôn ngữ cụ thể mà bạn có thể chọn thông qua danh sách lựa chọn Khu vực trên trang web của chúng tôi.

Model Số VS20173 | VS20174  
Mã phụ kiện: LSC520WU | LSC521WU

## **Cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®**

Là nhà cung cấp hàng đầu thế giới về các giải pháp trực quan, ViewSonic® đã nỗ lực đáp ứng vượt quá những kỳ vọng của thế giới đối với sự phát triển, đổi mới và đơn giản về công nghệ. Tại ViewSonic®, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có tiềm năng tạo ra tác động tích cực trên thế giới và chúng tôi tin tưởng rằng sản phẩm ViewSonic® mà bạn đã lựa chọn sẽ phục vụ tốt cho nhu cầu bạn.

Một lần nữa xin cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®!

# Biện pháp phòng ngừa an toàn

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Lưu giữ sổ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc mọi cảnh báo và thực hiện theo mọi hướng dẫn.
- Cho phép khoảng trống tối thiểu 20 inch (50 cm) xung quanh máy chiếu để đảm bảo thông gió thích hợp.
- Đặt máy chiếu ở khu vực thông gió tốt. Không đặt bất cứ vật gì lên máy chiếu vốn sẽ cản trở sự tản nhiệt.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt gỗ gầy hoặc thiếu ổn định. Máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc bị hỏng.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Các tia sáng mạnh có thể làm hỏng mắt của bạn.
- Luôn mở cửa trập ống kính hoặc tháo nắp ống kính khi bật đèn chiếu.
- Không chặn ống kính chiếu với bất kỳ vật thể nào khi máy chiếu đang hoạt động vì điều này có thể khiến các vật thể bị nóng và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Đèn trở nên cực nóng trong quá trình máy chiếu hoạt động. Để máy chiếu nguội khoảng 45 phút trước khi tháo cụm đèn để thay mới.
- Không sử dụng đèn quá thời hạn sử dụng định mức. Việc sử dụng các bóng đèn quá mức vượt khỏi thời hạn sử dụng định mức có thể khiến chúng bị hỏng trong những dịp hiếm hoi.
- Đừng bao giờ thay thế cụm đèn hoặc bất kỳ linh kiện điện tử nào trừ khi rút phích cắm máy chiếu.
- Không được cố tháo rời máy chiếu. Có điện áp cao nguy hiểm bên trong máy chiếu có thể gây tử vong nếu bạn tiếp xúc với các bộ phận dẫn điện.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập nó vào bất cứ vật gì.
- Không đặt bất kỳ vật thể nặng nào lên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Không được dựng đứng máy chiếu. Nếu không, máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc làm hỏng máy chiếu.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt được duy trì liên tục khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như thiết bị tản nhiệt, cửa điều nhiệt, bếp lò hoặc thiết bị khác (kể cả bộ khuếch đại) vốn có thể tăng nhiệt độ máy chiếu lên mức nguy hiểm.
- Không đặt chất lỏng gần hoặc trên máy chiếu. Chất lỏng tràn vào máy chiếu có thể khiến nó bị hỏng. Nếu máy chiếu bị ướt, hãy ngắt kết nối khỏi nguồn điện và gọi đến trung tâm bảo hành tại địa phương để bảo hành máy chiếu.

- Khi máy chiếu đang hoạt động, bạn có thể cảm nhận được một ít không khí nóng và mùi thoát ra từ lưới tản nhiệt. Đó là hoạt động bình thường và không bị hỏng.
- Đừng cố bỏ qua các điều khoản an toàn của phích cắm loại phân cực hoặc tiếp đất. Phích cắm phân cực có hai chấu, trong đó có một chấu lớn hơn chấu còn lại. Phích cắm kiểu tiếp đất có hai chấu và một chấu tiếp đất thứ ba. Chấu lớn và chấu thứ ba được cung cấp nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm điện của bạn, hãy dùng bộ chuyển đổi điện và không được cố ép phích cắm vào ổ cắm.
- Khi cắm vào ổ cắm điện, KHÔNG được tháo chấu tiếp đất. Đảm bảo KHÔNG BAO GIỜ THÁO chấu tiếp đất.
- Bảo vệ dây nguồn khỏi bị giẫm hoặc đè lên, đặc biệt ở phích cắm và điểm dẫn điện ra từ máy chiếu.
- Ở một số quốc gia, điện áp KHÔNG ổn định. Máy chiếu này được thiết kế để hoạt động an toàn trong phạm vi điện áp từ 100 đến 240 vôn AC, nhưng có thể bị hỏng nếu xảy ra sự cố cắt điện hoặc tăng điện áp  $\pm 10$  vôn. Ở những khu vực điện áp có thể tăng giảm hoặc bị cắt, bạn nên kết nối máy chiếu qua bộ ổn định nguồn, bộ bảo vệ tăng áp hoặc bộ cấp nguồn liên tục (UPS).
- Nếu phát hiện có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt ngay máy chiếu và gọi cho đại lý bán hàng hoặc ViewSonic®. Việc tiếp tục sử dụng máy chiếu là rất nguy hiểm.
- Chỉ sử dụng các thiết bị phụ/phụ kiện theo quy định của nhà sản xuất.
- Ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Luôn sử dụng mọi dịch vụ từ nhân viên dịch vụ đủ trình độ.

**THẬN TRỌNG:** Bức xạ quang tiềm ẩn nguy hiểm được phát ra từ sản phẩm này. Giống như với các nguồn sáng mạnh, không được nhìn chằm chằm vào chùm tia.

Sản phẩm Laser Tiêu dùng CẤP 1 EN50689:2021

a. Cần lưu ý giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ nhìn chằm chằm vào chùm tia máy chiếu ở bất kỳ khoảng cách nào từ máy chiếu.

b. Cần lưu ý thận trọng khi sử dụng điều khiển từ xa để khởi động máy chiếu nếu bạn đang ở trước ống kính chiếu.

c. Cần lưu ý tránh sử dụng các thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính thiên văn ở bên trong chùm tia.



RG2 IEC 62471-5:2015.

# Biện pháp phòng ngừa an toàn - Treo trần

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bắt đầu sử dụng máy chiếu.

Nếu bạn muốn treo máy chiếu lên trần, cần phải sử dụng bộ treo máy chiếu phù hợp đồng thời phải lắp ráp sao cho chắc chắn và an toàn.

Nếu sử dụng bộ treo máy chiếu không phù hợp, mức độ an toàn sẽ bị giảm thiểu, máy chiếu có thể bị rơi xuống do lắp ráp không đạt chuẩn, đo đạc sai hoặc chiều dài các vít không đúng.

# Mục lục

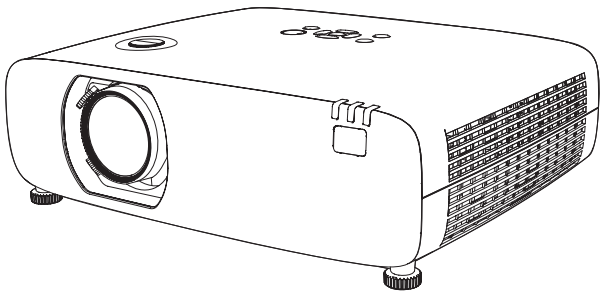
<b>Biện pháp phòng ngừa an toàn.....</b>	<b>3</b>
<b>Giới thiệu .....</b>	<b>8</b>
Nội dung gói sản phẩm .....	8
Tổng quan về sản phẩm.....	10
Máy chiếu .....	10
Bàn phím .....	11
Cổng ra/vào.....	12
Điều khiển từ xa .....	13
<b>Thiết lập ban đầu .....</b>	<b>17</b>
Chọn vị trí - Hướng máy chiếu.....	17
Kích thước chiếu .....	18
Lắp đặt máy chiếu .....	22
Sử dụng thanh bảo vệ.....	22
<b>Thực hiện các kết nối.....</b>	<b>23</b>
Kết nối nguồn điện .....	23
Kết nối thiết bị ngoại vi.....	24
Kết nối VGA .....	24
Kết nối đầu ra VGA .....	25
Kết nối Video tổng hợp .....	26
Kết nối HDMI .....	27
Kết Nối Âm Thanh .....	28
Kết nối USB.....	29
Kết nối mạng .....	31
Kết Nối RS-232.....	32
Kết nối HDBaseT .....	33
<b>Sử dụng máy chiếu .....</b>	<b>34</b>
Bật máy chiếu .....	34
Chọn Nguồn Vào.....	35
Điều chỉnh hình chiếu .....	36
Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu .....	36
Điều chỉnh Tiêu cự, Keystone và Ống kính .....	37
Tắt máy chiếu .....	38

<b>Thao tác menu .....</b>	<b>39</b>
Menu màn hình (OSD) .....	39
Menu điều hướng.....	40
Cây menu màn hình (OSD).....	41
Tùy chọn Menu.....	47
Display (Hỗ trợ) .....	47
Image Settings (Cài đặt hình ảnh) .....	49
Settings (Cài đặt) .....	51
Advanced (Nâng cao) .....	53
USB-A .....	58
Information (Thông tin).....	60
<b>Phụ lục .....</b>	<b>61</b>
Thông số kỹ thuật .....	61
Kích thước máy chiếu .....	62
Biểu đồ định giờ .....	63
Tín hiệu HDMI .....	64
Khắc phục sự cố.....	65
Đèn báo LED .....	67
Bảo dưỡng .....	68
Biện pháp phòng ngừa chung .....	68
Vệ sinh ống kính .....	68
Lau vỏ máy chiếu.....	68
Cất giữ máy chiếu.....	68
Vệ sinh bộ lọc .....	69
<b>Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định.....</b>	<b>70</b>
Thông tin tuân thủ .....	70
Tuyên bố Tuân thủ FCC .....	70
Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada .....	70
Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu.....	71
Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:.....	71
Tuyên bố tuân thủ RoHS2 .....	72
Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại.....	73
Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ .....	73
Thông Tin Bản Quyền .....	74
Dịch vụ Khách hàng .....	75
Bảo hành hạn chế.....	76

# Giới thiệu

## Nội dung gói sản phẩm

### LSC520WU



①



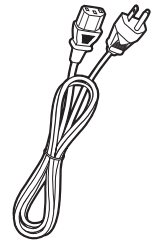
②



③



④



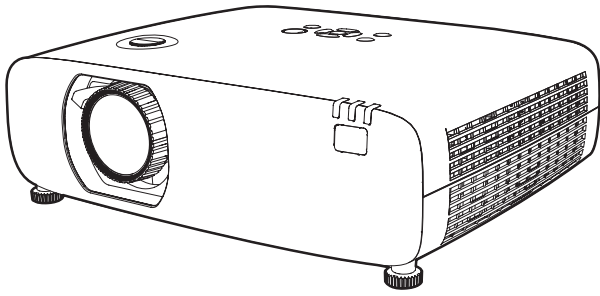
⑤

Số	Mô tả
1	Máy chiếu
2	Điều khiển từ xa
3	Pin
4	Hướng dẫn khởi động nhanh
5	Dây nguồn

**LƯU Ý:** Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.



# LSC521WU



①



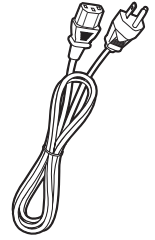
②



③



④



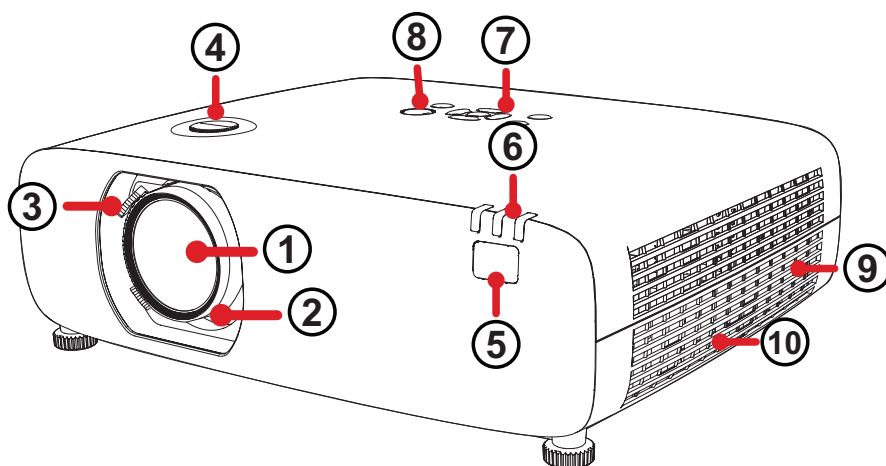
⑤

Số	Mô tả
1	Máy chiếu
2	Điều khiển từ xa
3	Pin
4	Hướng dẫn khởi động nhanh
5	Dây nguồn

**LƯU Ý:** Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

# Tổng quan về sản phẩm

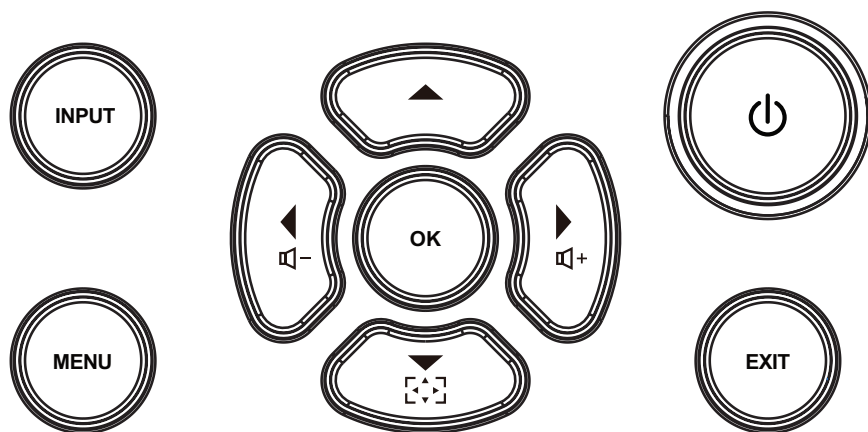
## Máy chiếu



Số	Mô tả
1	Ống kính máy chiếu
2	Vòng điều tiêu
3	Vòng zoom
4	Dịch chuyển ống kính (V)
5	Cảm biến hồng ngoại điều khiển từ xa
6	Đèn báo LED
7	Bàn phím
8	Nút nguồn
9	Lỗ thông gió
10	Lưới lọc

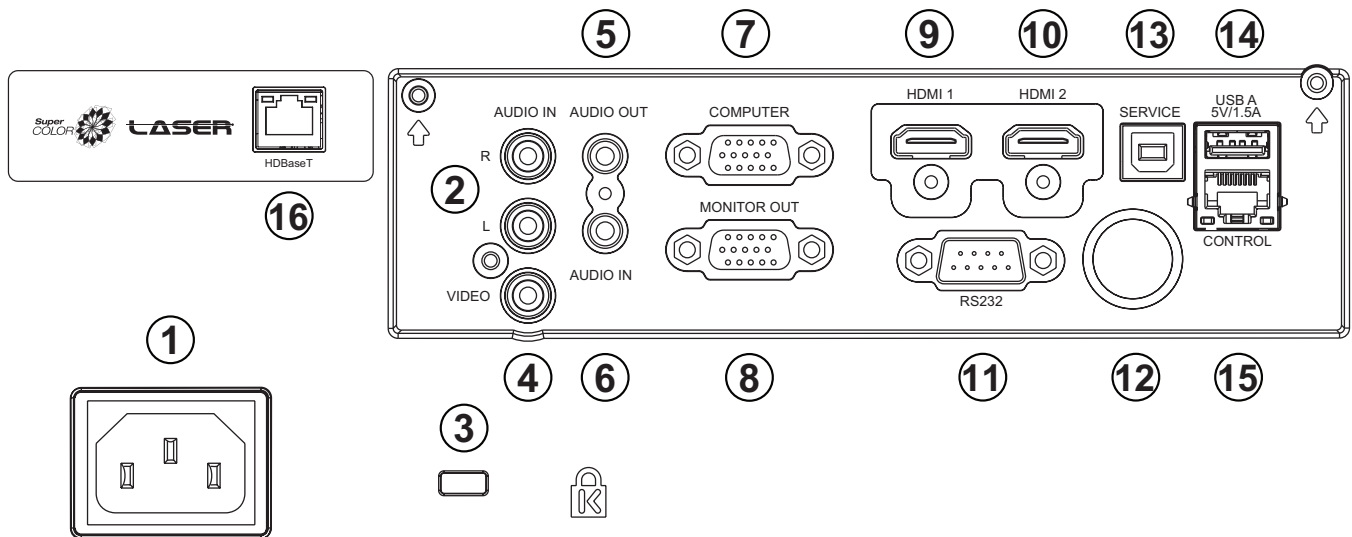
**LƯU Ý:** Không chặn cửa hút và thoát khí của máy chiếu.

## Bàn phím



Phím		Mô tả
INPUT	Đầu vào	Hiển thị thanh lựa chọn nguồn tín hiệu vào.
MENU	Menu	Mở Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
	Nguồn điện	Chuyển đổi máy chiếu giữa chế độ chờ và bật.
EXIT	Thoát	Đóng Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
	Điều hướng	Chọn các mục menu mong muốn và thực hiện các điều chỉnh khi Menu màn hình (OSD) được kích hoạt.
	Âm lượng	Điều chỉnh cường độ âm thanh.
	Chỉnh vuông hình	Mở menu Keystone để hiệu chỉnh hình ảnh bị méo do chiếu góc.

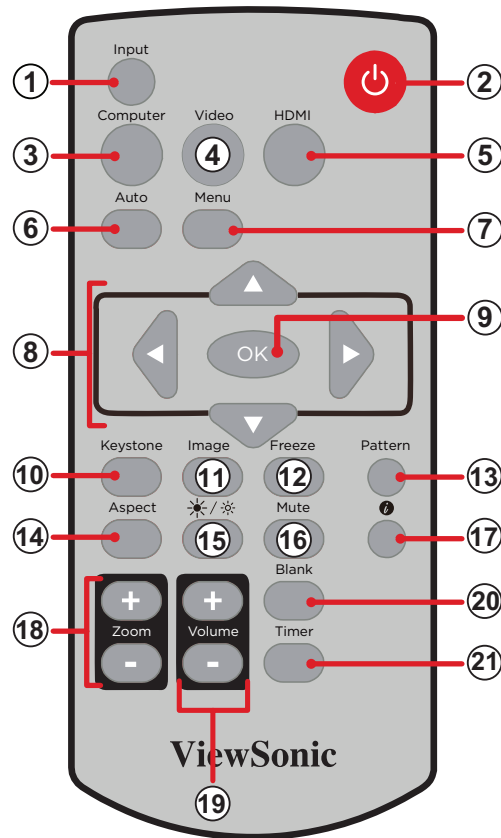
## Cổng ra/vào




	Cổng nối	Mô tả
1	Đầu vào điện AC	Ổ cắm đầu vào điện AC
2	AUDIO IN (L/R)	Kết nối cho tín hiệu âm thanh nổi.
3	Khe khóa bảo vệ	Khe khóa bảo vệ để cố định máy chiếu vào vật cố định.
4	VIDEO	Cổng video tổng hợp.
5	AUDIO OUT	Cổng xuất tín hiệu âm thanh.
6	AUDIO IN	Cổng đầu vào tín hiệu âm thanh.
7	COMPUTER	Cổng đầu vào tín hiệu RGB (PC).
8	MONITOR OUT	Cổng đầu ra tín hiệu RGB (PC).
9	HDMI 1	Cổng HDMI
10	HDMI 2	Cổng HDMI
11	RS-232	Cổng điều khiển RS-232.
12	Cảm biến hồng ngoại điều khiển từ xa	Cảm biến hồng ngoại.
13	SERVICE	Cổng USB loại B để bảo trì và hiển thị USB.
14	USB A 5V/1,5A	Cổng USB loại A cho đầu đọc (USB 2.0, FAT32) và cấp điện.
15	CONTROL	Cổng điều khiển mạng LAN
16	HDBaseT <sup>1</sup>	Cổng HDBaseT.

1- Chỉ dành cho LSC521WU.

## Điều khiển từ xa



Nút		Mô tả
1	Đầu vào	Hiển thị thanh chọn nguồn.
2		Bật hoặc tắt máy chiếu.
3	Máy tính	Chọn nguồn đầu vào VGA.
4	Video	Chọn nguồn đầu vào video.
5	HDMI	Chọn nguồn đầu vào <b>HDMI 1</b> hoặc <b>HDMI 2</b> .
6	Tự động	Vào chế độ điều chỉnh tự động.
7	Menu	Bật/tắt Menu Hiển thị trên màn hình (OSD).
8	Nút điều hướng	Điều hướng và chọn các mục menu mong muốn và thực hiện các điều chỉnh.
9	OK	Xác nhận lựa chọn
10	Chỉnh vuông hình	Hiệu chỉnh thủ công cho hình ảnh biến dạng

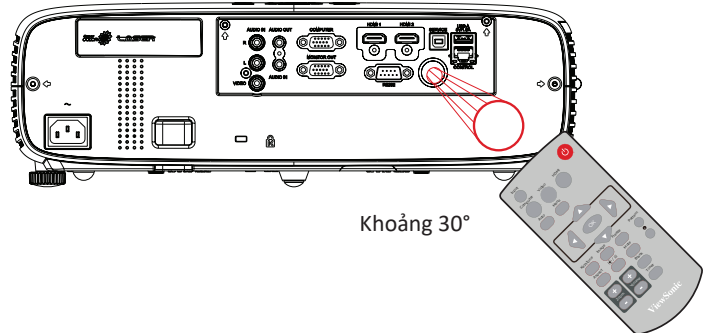
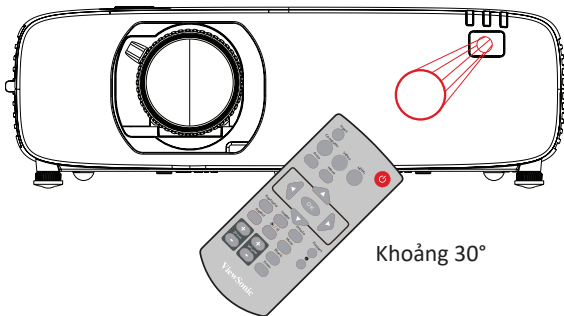
<b>Nút</b>		<b>Mô tả</b>
<b>11</b>	<b>Hình ảnh</b>	Chọn chế độ hình ảnh
<b>12</b>	<b>Tạm dừng hình</b>	Làm dừng hình ảnh chiếu.
<b>13</b>	<b>Mẫu</b>	Hiển thị bản mẫu thử nghiệm tích hợp.
<b>14</b>	<b>Tính năng</b>	Hiển thị thanh lựa chọn tỷ lệ khung hình.
<b>15</b>		Chọn chế độ Nguồn sáng.
<b>16</b>	<b>Tắt âm</b>	Bật hoặc tắt âm thanh
<b>17</b>		Hiển thị trạng thái hiện tại và thông tin của máy chiếu.
<b>18</b>	<b>Zoom</b>	Tăng hoặc giảm kích thước hình ảnh được chiếu.
<b>19</b>	<b>Âm lượng</b>	Tăng hoặc giảm cường độ âm thanh.
<b>20</b>	<b>Trống</b>	Tạm thời ẩn hình ảnh được chiếu.
<b>21</b>	<b>Hẹn giờ</b>	Bật chức năng hẹn giờ.

## Điều Khiển Từ Xa - Phạm Vi Hoạt Động Bộ Nhận Tín Hiệu

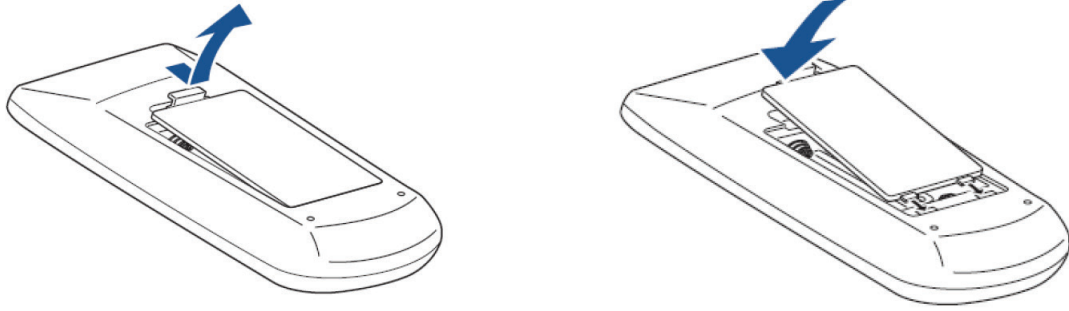
Để đảm bảo chức năng điều khiển từ xa hoạt động thích hợp, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Điều khiển từ xa phải được giữ ở một góc 30 độ vuông góc với (các) cảm biến điều khiển từ xa IR (hồng ngoại) trên máy chiếu.
2. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được vượt quá 6 m (19 ft).

**LƯU Ý:** Tham khảo hình minh họa về vị trí của (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại.



## Điều khiển từ xa - Thay pin



1. Tháo nắp pin ở phía dưới điều khiển từ xa.
2. Tháo mọi viên pin hiện có (nếu cần) và lắp hai viên pin AAA.  
**LƯU Ý:** Quan sát các cực pin như chỉ định.
3. Đậy nắp pin lại bằng cách căn nó thẳng với đế và đẩy trở về đúng vị trí.

### **LƯU Ý:**

- Tránh để điều khiển từ xa và pin trong môi trường quá nóng hoặc ẩm ướt.
- Chỉ thay thế bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương được nhà sản xuất pin khuyến dùng.
- Nếu các viên pin bị cạn kiệt hoặc nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo chúng ra để tránh làm hỏng điều khiển từ xa.
- Thải bỏ pin đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định về môi trường tại địa phương cho khu vực của bạn.



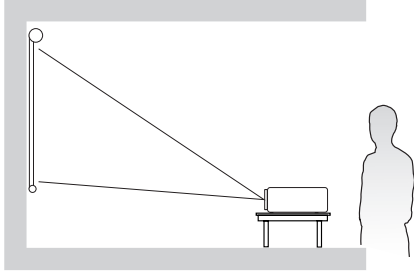
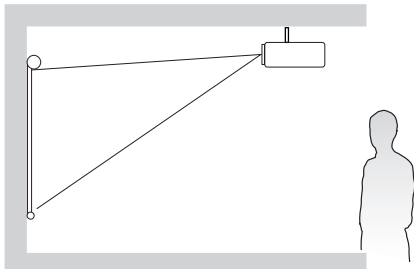
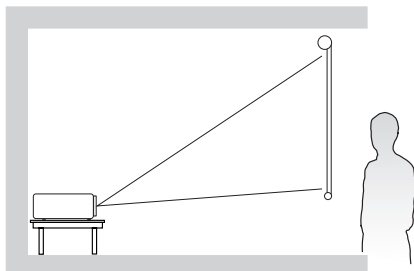
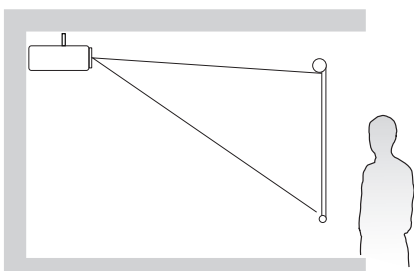
# Thiết lập ban đầu

## Chọn vị trí - Hướng máy chiếu

Sở thích cá nhân và cách bố trí phòng sẽ quyết định vị trí lắp đặt. Hãy xem xét những điều sau:

- Kích thước và vị trí màn hình của bạn.
- Vị trí ổ cắm điện phù hợp.
- Vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và các thiết bị khác.

Máy chiếu được thiết kế để được cài đặt tại một trong các vị trí sau:

Vị trí	
<p><b>Front (Mặt trước)</b> Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía trước màn hình.</p>	
<p><b>Ceiling Front (Treo trần phía trước)</b> Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà xuống phía trước màn hình.</p>	
<p><b>Rear (Phía sau)<sup>1</sup></b> Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía sau màn hình.</p>	
<p><b>Ceiling Rear (Treo trần phía sau)<sup>1</sup></b> Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà phía sau màn hình.</p>	

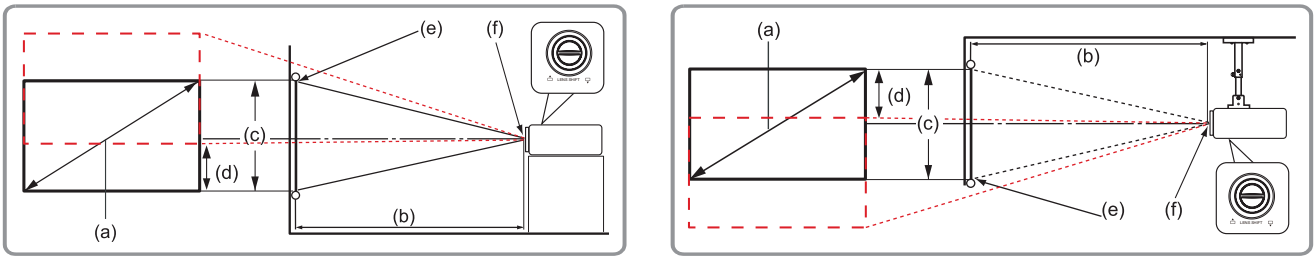
**LƯU Ý:** Khi chọn **Auto Ceiling/Front (Tự động lật ngược/phía trước)** hoặc **Auto Ceiling/Rear (Tự động lật ngược/phía sau)** làm vị trí máy chiếu, máy chiếu sẽ tự động được coi là chiếu phía trước.

<sup>1</sup> Bắt buộc phải trang bị màn hình chiếu phía sau.

# Kích thước chiếu

## LSC520WU

### Hình ảnh kích thước 16:10 trên màn hình 16:10



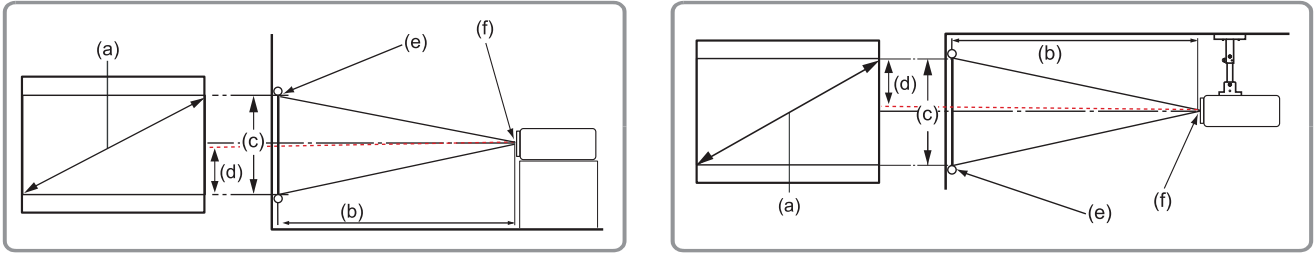
**LƯU Ý:** (e) = Màn hình / (f) = Tâm ống kính

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
		Tối thiểu		Tối đa					
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	26,76	680	44,15	1121	15,90	404	7,15	182
60	1524	54,68	1389	89,43	2272	31,80	808	14,31	363
70	1778	63,98	1625	104,53	2655	37,10	942	16,69	424
80	2032	73,28	1861	119,62	3038	42,40	1077	19,08	485
90	2286	82,59	2098	134,72	3422	47,70	1212	21,46	545
100	2540	91,89	2334	149,82	3805	53,00	1346	23,85	606
120	3048	110,50	2807	180,01	4572	63,60	1615	28,62	727
150	3810	138,41	3516	225,29	5722	79,50	2019	35,77	909
180	4572	166,33	4225	270,58	6873	95,40	2423	42,93	1090
200	5080	184,94	4697	300,77	7640	106,00	2692	47,70	1212
250	6350	231,46	5879	376,25	9557	132,50	3365	59,62	1514
300	7620	277,98	7061	451,73	11474	159,00	4039	71,55	1817

### LƯU Ý:

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

### Hình ảnh kích thước 16:10 trên màn hình 4:3



**LƯU Ý:** (e) = Màn hình / (f) = Tâm ống kính

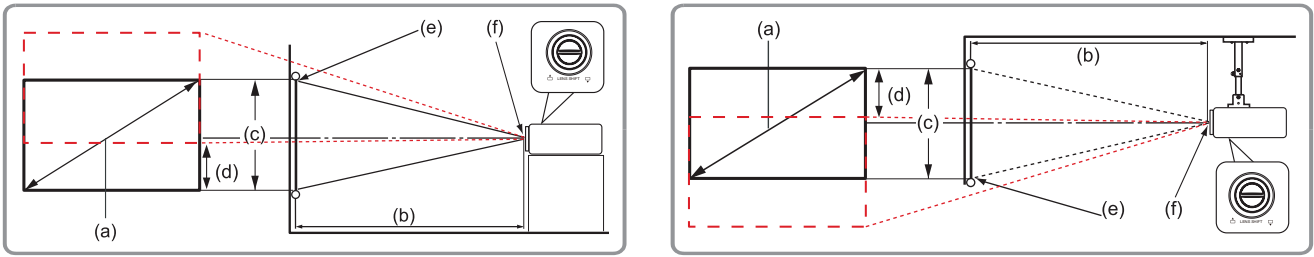
(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
		Tối thiểu		Tối đa					
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	25,91	658	42,24	1073	15,00	381	6,73	171
60	1524	51,73	1314	84,33	2142	29,96	761	13,48	342
70	1778	60,43	1535	98,50	2502	34,96	888	15,73	400
80	2032	69,11	1755	112,64	2861	39,98	1015	17,99	457
90	2286	77,74	1975	126,72	3219	44,98	1142	20,24	514
100	2540	86,38	2194	140,80	3576	49,97	1269	22,49	571
120	3048	103,66	2633	168,96	4292	59,97	1523	26,99	685
150	3810	129,57	3291	211,20	5364	74,96	1904	33,73	857
180	4572	155,49	3949	253,44	6437	89,95	2285	40,48	1028
200	5080	172,76	4388	281,60	7153	99,94	2539	44,98	1142
250	6350	215,96	5485	352,00	8941	124,93	3173	56,22	1428
300	7620	259,15	6582	422,40	10729	149,92	3808	67,46	1714

**LƯU Ý:**

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

# LSC521WU

## Hình ảnh kích thước 16:10 trên màn hình 16:10



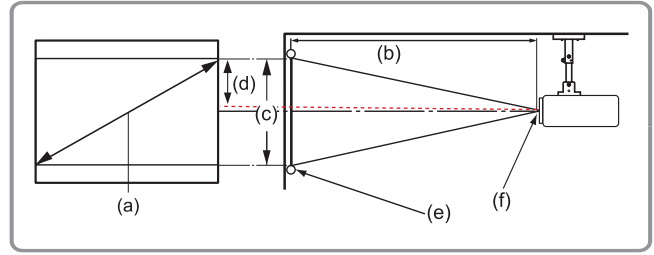
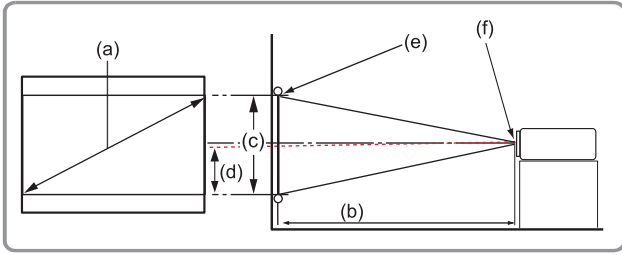
**LƯU Ý:** (e) = Màn hình / (f) = Tâm Ống kính

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
		Tối thiểu		Tối đa					
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	30,10	765	49,54	1258	16	404	9,54	242
60	1524	61,59	1564	100,40	2550	32	808	19,08	485
70	1778	72,09	1831	117,35	2981	37	942	22,26	565
80	2032	82,59	2098	134,31	3411	42	1077	25,44	646
90	2286	93,09	2364	151,26	3842	48	1212	28,62	646
100	2540	103,58	2631	168,21	4273	53	1346	31,80	808
120	3048	124,58	3164	202,12	5134	64	1615	38,16	969
150	3810	156,07	3964	252,98	6426	79	2019	47,70	1212
180	4572	187,56	4764	303,85	7718	95	2423	57,24	1454
200	5080	208,56	5297	337,75	8579	106	2692	63,60	1615
250	6350	261,05	6631	422,52	10732	132	3365	79,50	2019
300	7620	314	7964	507,29	12885	159	4039	95,40	2423

### LƯU Ý:

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

### Hình ảnh kích thước 16:10 trên màn hình 4:3



**LƯU Ý:** (e) = Màn hình / (f) = Tâm ống kính

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
		Tối thiểu		Tối đa					
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	28,82	732	48,23	1225	15,00	381	9,00	229
60	1524	57,60	1463	96,50	2451	30,00	762	18,00	457
70	1778	67,20	1707	112,56	2859	35,00	889	21,00	533
80	2032	76,81	1951	128,62	3267	40,00	1016	24,00	610
90	2286	86,41	2195	144,70	3675	45,00	1143	27,00	686
100	2540	96,01	2439	160,78	4084	50,00	1270	30,00	762
120	3048	115,22	2926	192,93	4900	60,00	1524	36,00	914
150	3810	144,02	3658	241,17	6126	75,00	1905	45,00	1143
180	4572	172,82	4390	289,40	7351	90,00	2286	54,00	1372
200	5080	192,03	4877	321,55	8167	100,00	2540	60,00	1524
250	6350	240,03	6097	401,94	10209	125,00	3175	75,00	1905
300	7620	288,04	7316	482,33	12251	150,00	3810	90,00	2286

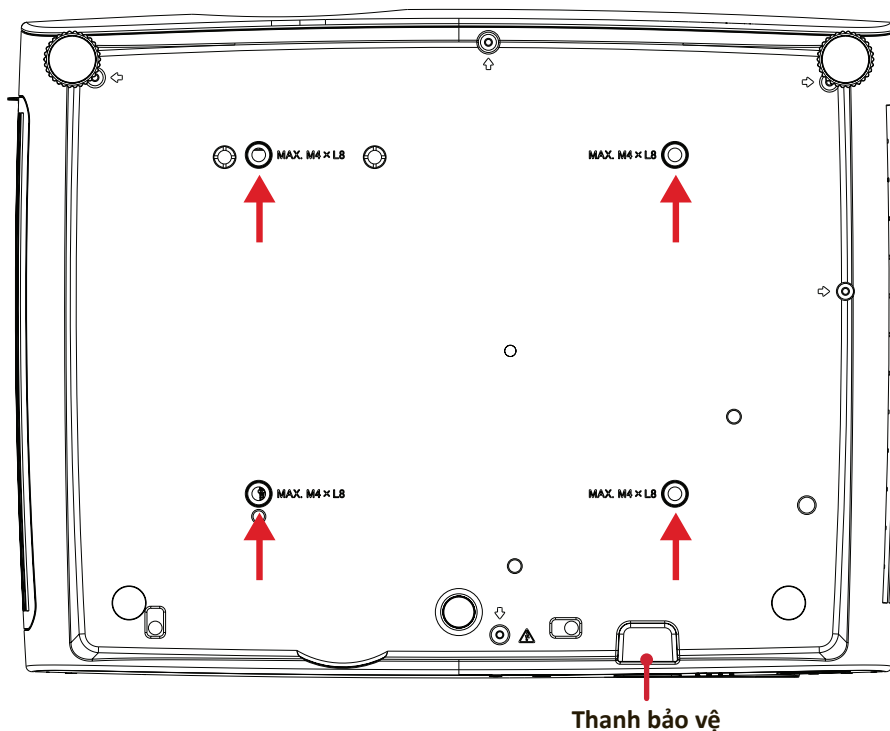
**LƯU Ý:**

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

## Lắp đặt máy chiếu

**LƯU Ý:** Nếu bạn mua giá treo của bên thứ ba, hãy sử dụng kích thước vít chính xác. Cỡ vít sẽ khác nhau tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.

1. Để đảm bảo lắp đặt máy chiếu an toàn nhất, hãy sử dụng giá treo tường hoặc trần ViewSonic®.
2. Đảm bảo sử dụng các vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
  - Loại vít: M4 x 8
  - Chiều dài vít tối đa: 8 mm



### THẬN TRỌNG:

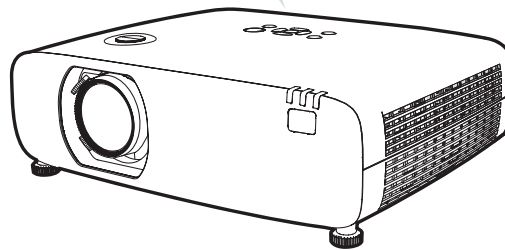
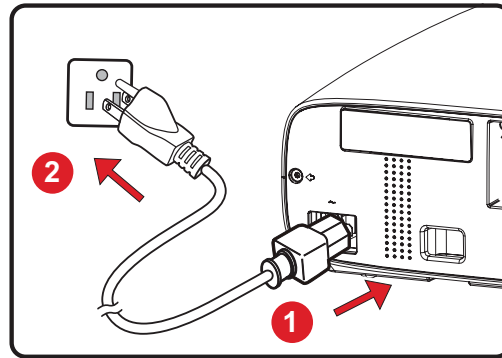
- Không lắp máy chiếu gần nguồn nhiệt hoặc máy điều hòa.
- Duy trì khoảng cách ít nhất 50 cm (19,6 in) giữa trần nhà và đáy máy chiếu.

## Sử dụng thanh bảo vệ

Để tránh máy chiếu bị đánh cắp, hãy sử dụng thiết bị khóa khe cắm an toàn để cố định máy chiếu vào một vật cố định.

# Thực hiện các kết nối

## Kết nối nguồn điện



1. Kết nối dây nguồn vào ổ cắm AC IN ở phía sau máy chiếu.
2. Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện.

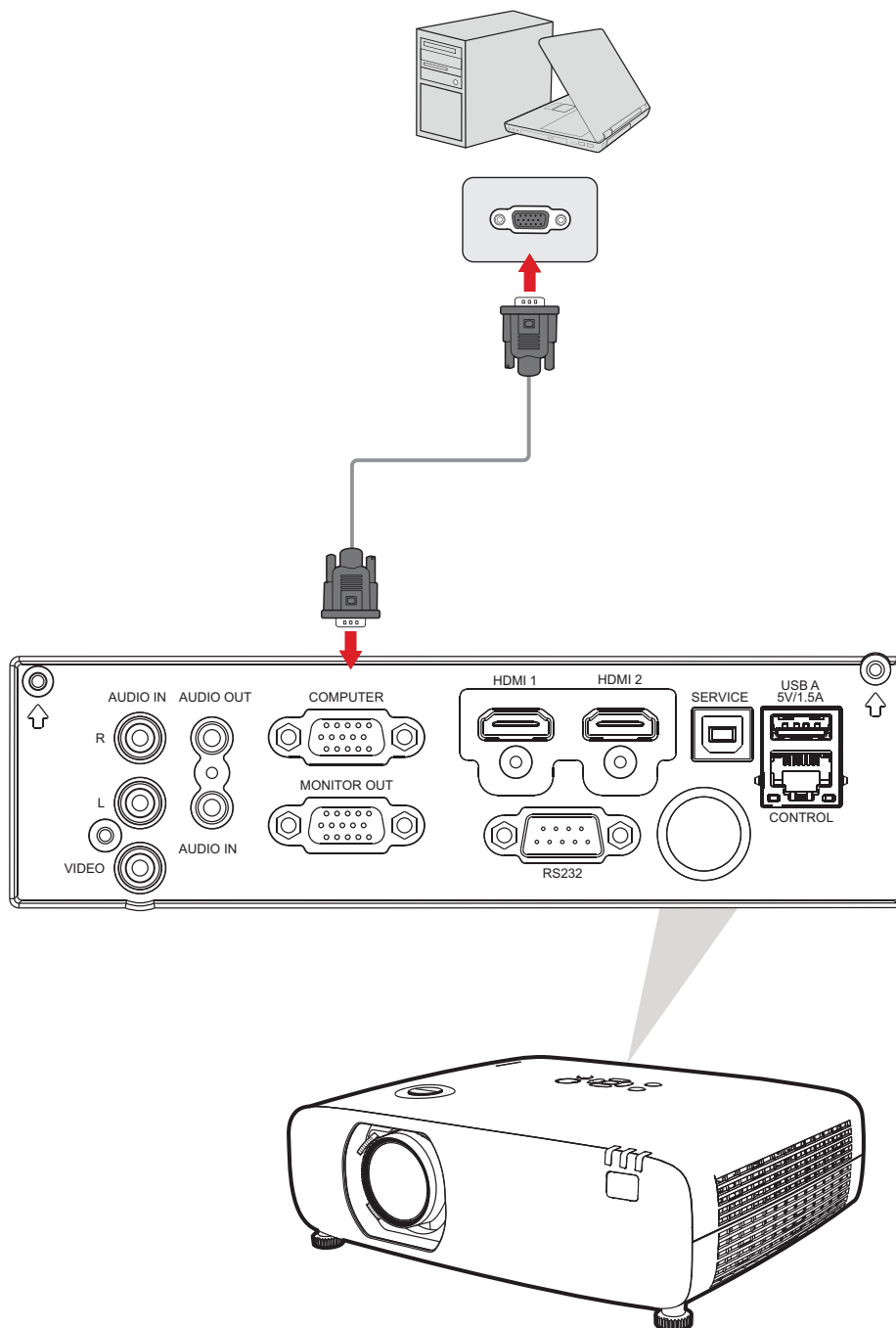
**LƯU Ý:** Khi lắp đặt máy chiếu, kết hợp thiết bị ngắt kết nối dễ tiếp cận nhanh trong hệ thống dây điện cố định hoặc cắm phích điện vào ổ cắm dễ tiếp cận gần thiết bị. Nếu xảy ra lỗi trong quá trình vận hành máy chiếu, hãy sử dụng thiết bị ngắt kết nối để tắt nguồn điện hoặc ngắt kết nối phích điện.

# Kết nối thiết bị ngoại vi

## Kết nối VGA

Cắm một đầu của cáp VGA vào cổng VGA của máy tính. Sau đó kết nối đầu còn lại của cáp vào cổng **MÁY TÍNH** của máy chiếu.

**LƯU Ý:** Một số máy tính không tự động bật màn hình ngoài khi được kết nối với máy chiếu. Bạn có thể phải điều chỉnh thông số cài đặt trình chiếu của máy tính.

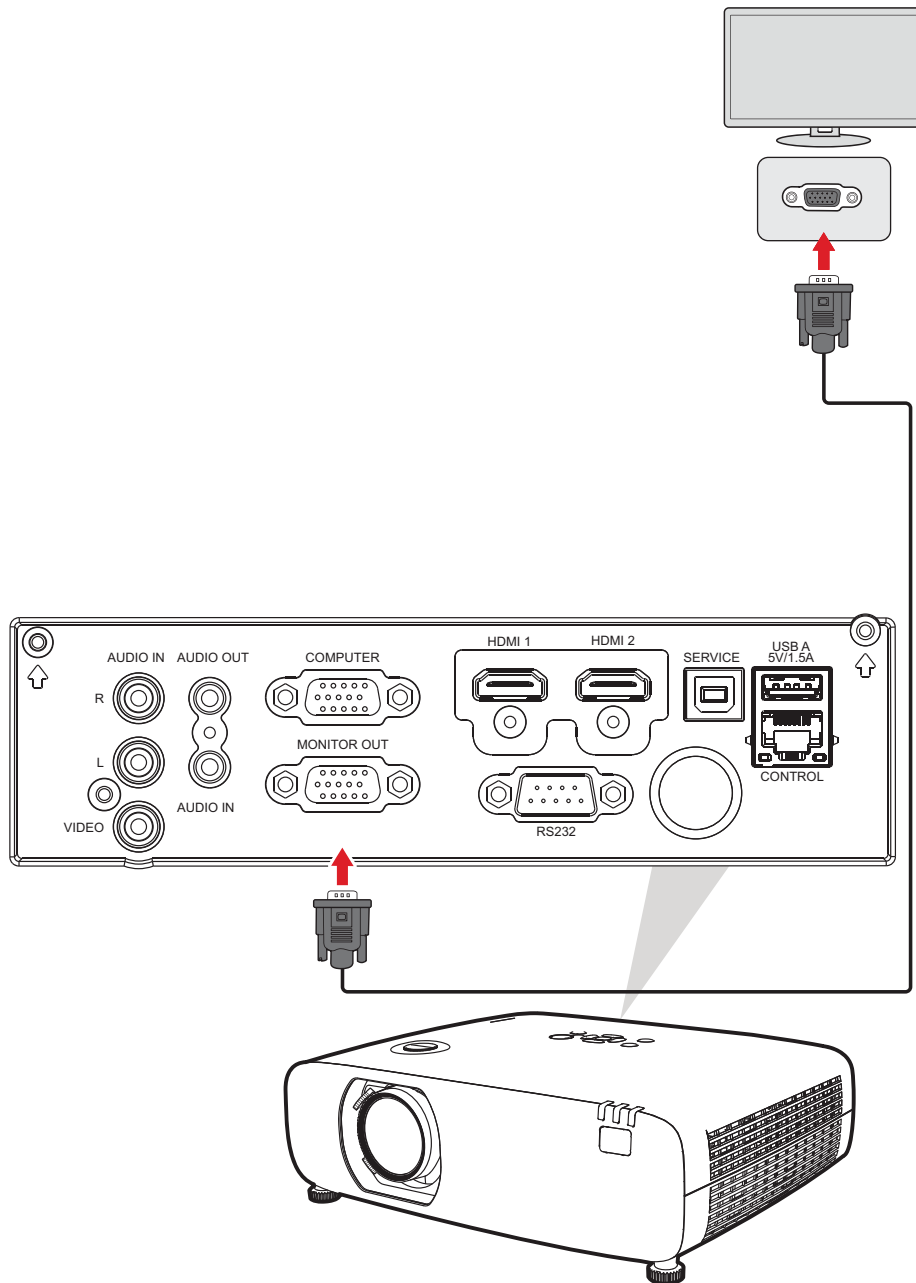




## Kết nối đầu ra VGA

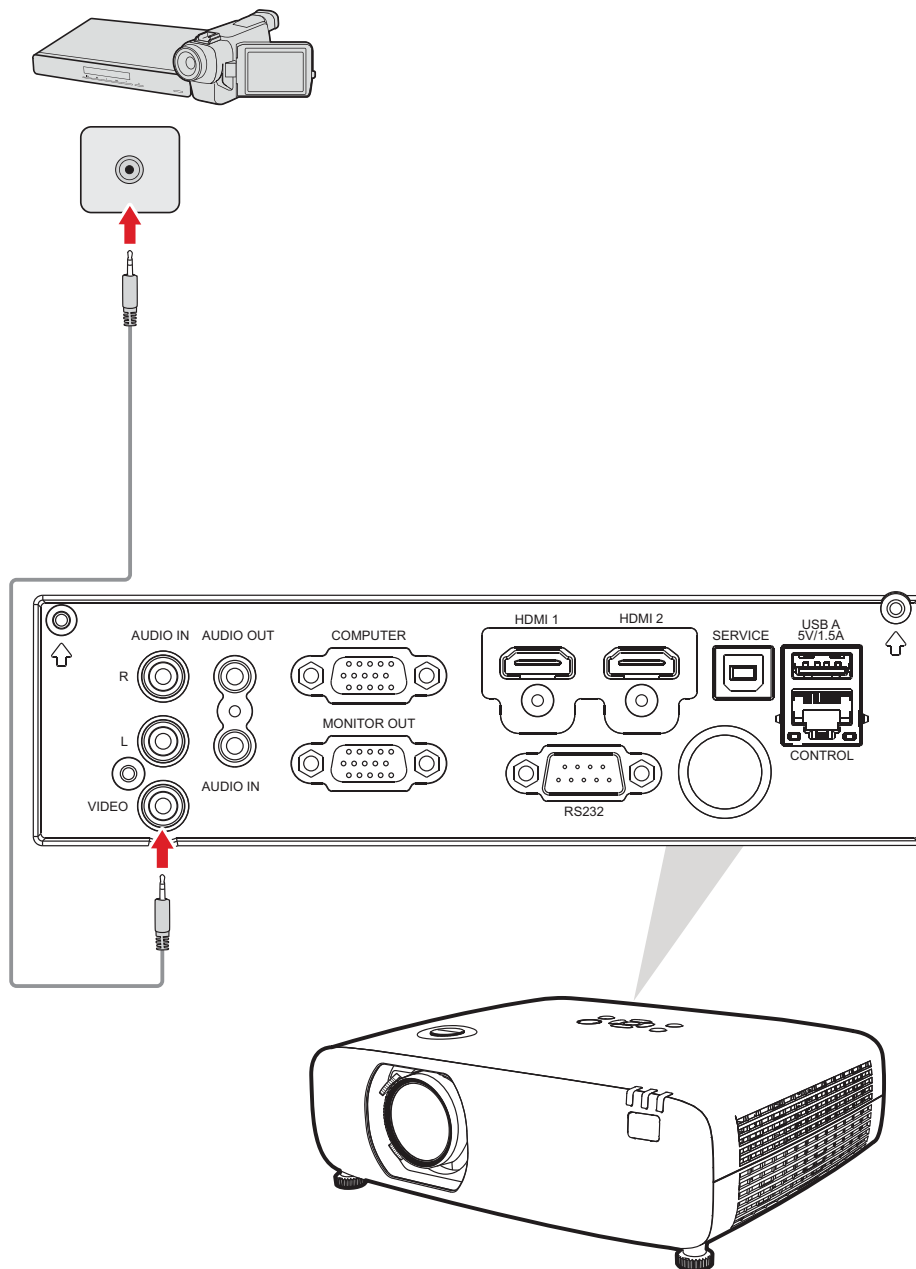
Để xem cận cảnh nội dung được chiếu trên màn hình cũng như trình chiếu nội dung đó thì có thể kết nối màn hình với cổng **MONITOR OUT** của máy chiếu.

Sau khi thiết lập Kết nối VGA, hãy kết nối một đầu của cáp VGA với cổng VGA trên màn hình của bạn. Sau đó, kết nối đầu còn lại của cáp với cổng **MONITOR OUT** của máy chiếu.



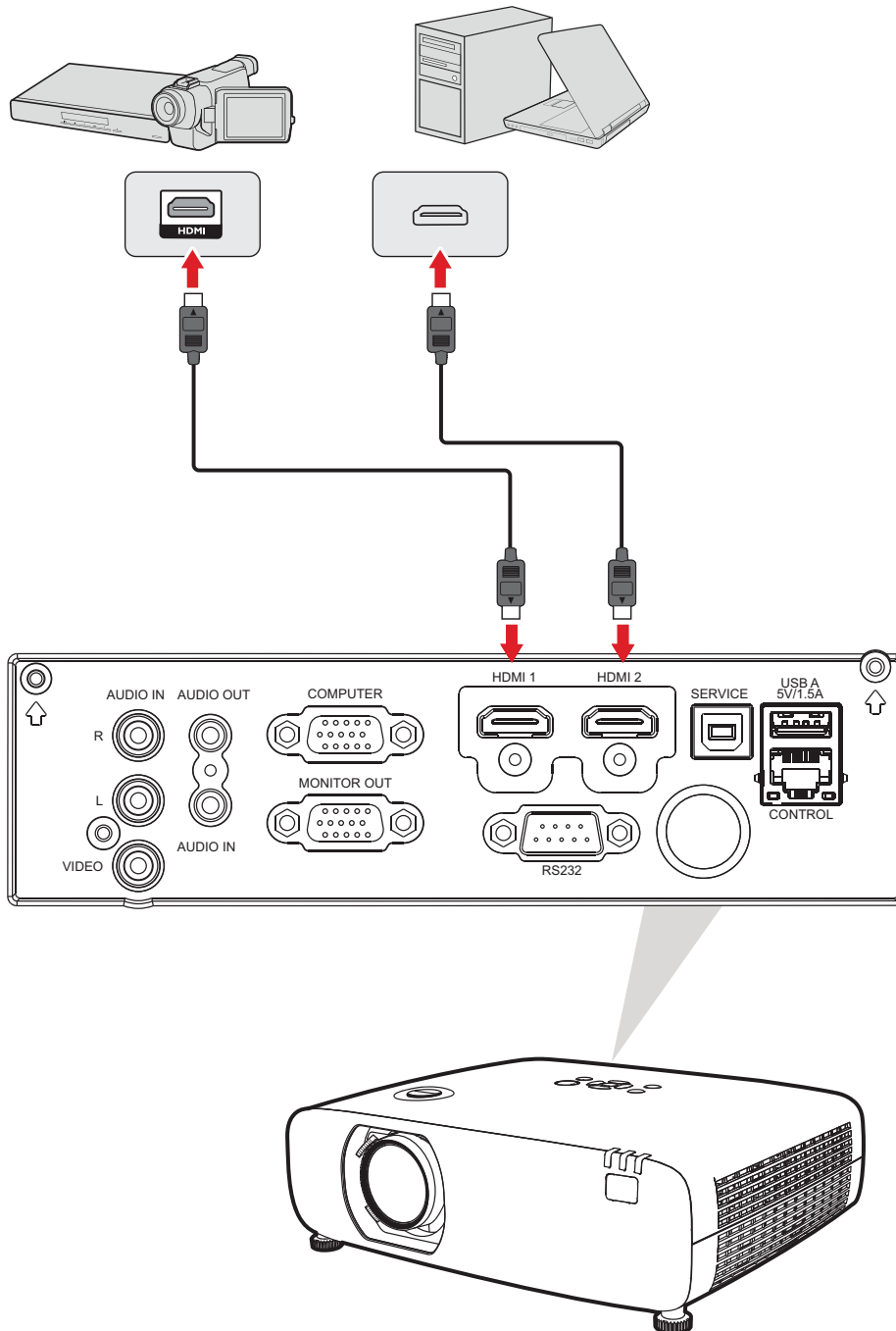
## Kết nối Video tổng hợp

Kết nối một đầu của cáp Video với cổng Video trên thiết bị phát video của bạn. Sau đó, kết nối đầu còn lại của cáp với cổng **VIDEO** của máy chiếu.



## Kết nối HDMI

Cắm một đầu cáp HDMI vào cổng HDMI trên thiết bị video. Sau đó kết nối đầu còn lại của cáp vào cổng **HDMI 1** hoặc **HDMI 2** trên máy chiếu.



## Kết Nối Âm Thanh

Máy chiếu hỗ trợ cả phát (Audio In) và xuất (Audio Out) âm thanh.

### Audio In

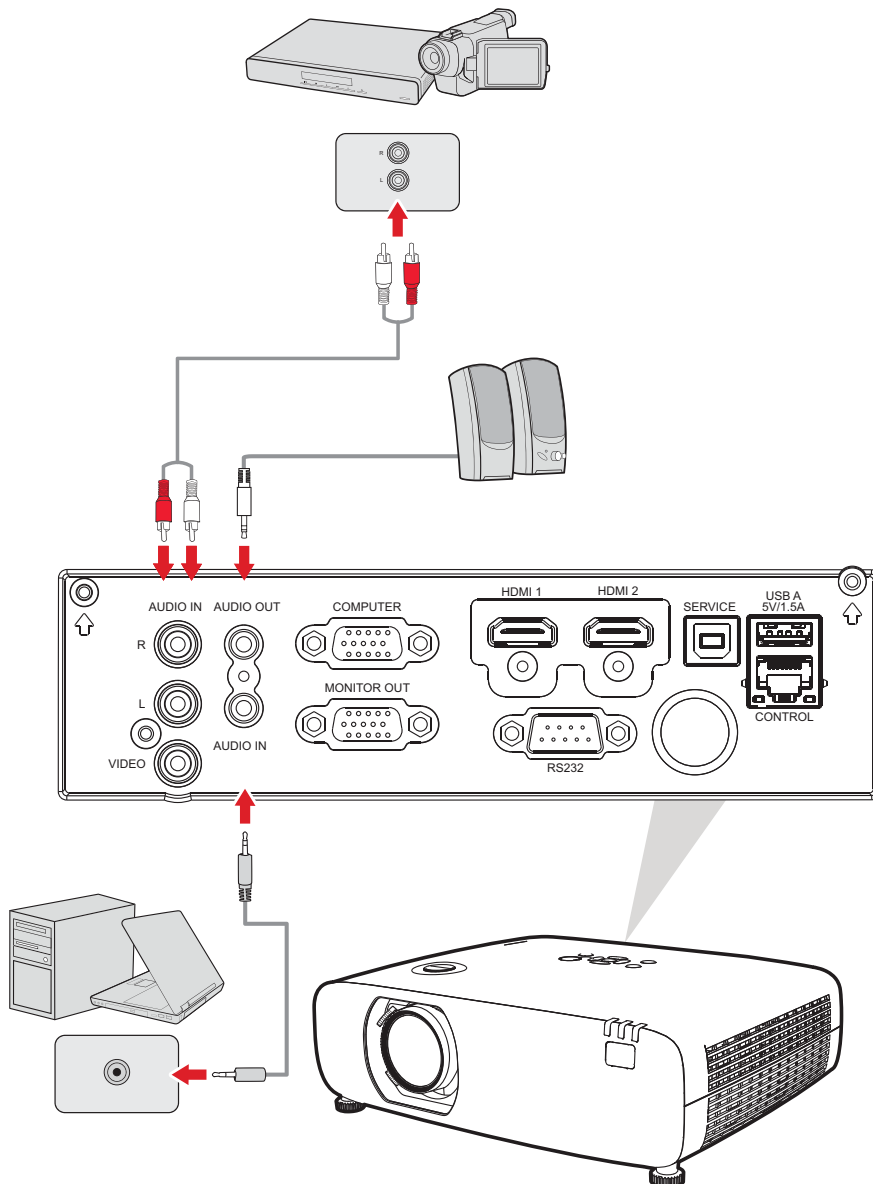
Để phát âm thanh từ thiết bị ngoài của bạn qua loa của máy chiếu, hãy kết nối một đầu của cáp âm thanh với thiết bị ngoài của bạn và đầu còn lại với cổng **AUDIO IN** của máy chiếu.

### Audio Out

Để phát âm thanh từ máy chiếu qua loa ngoài, hãy kết nối một đầu của cáp âm thanh với loa ngoài và đầu còn lại với cổng **AUDIO OUT** của máy chiếu.

### R/L Audio In

Để phát âm thanh từ thiết bị ngoài qua loa của máy chiếu, hãy kết nối một đầu của cáp âm thanh với thiết bị ngoài và đầu còn lại với cổng **R/L AUDIO IN** của máy chiếu.



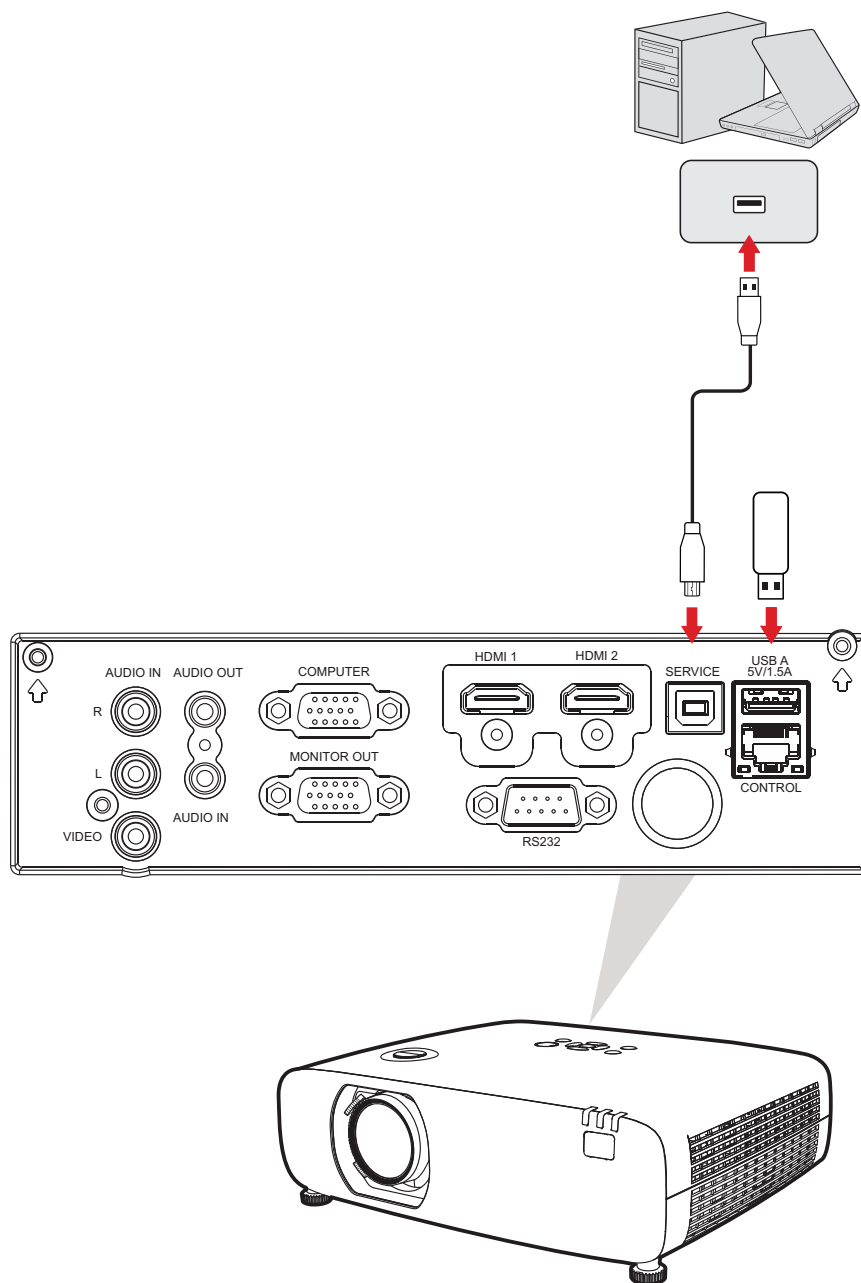
## Kết nối USB

### USB Type A

Cổng USB Type A dành cho đầu đọc (FAT32) và cấp nguồn điện.

### USB Type B

Cổng USB Type B dành cho dịch vụ và trình chiếu USB.



## USB Display

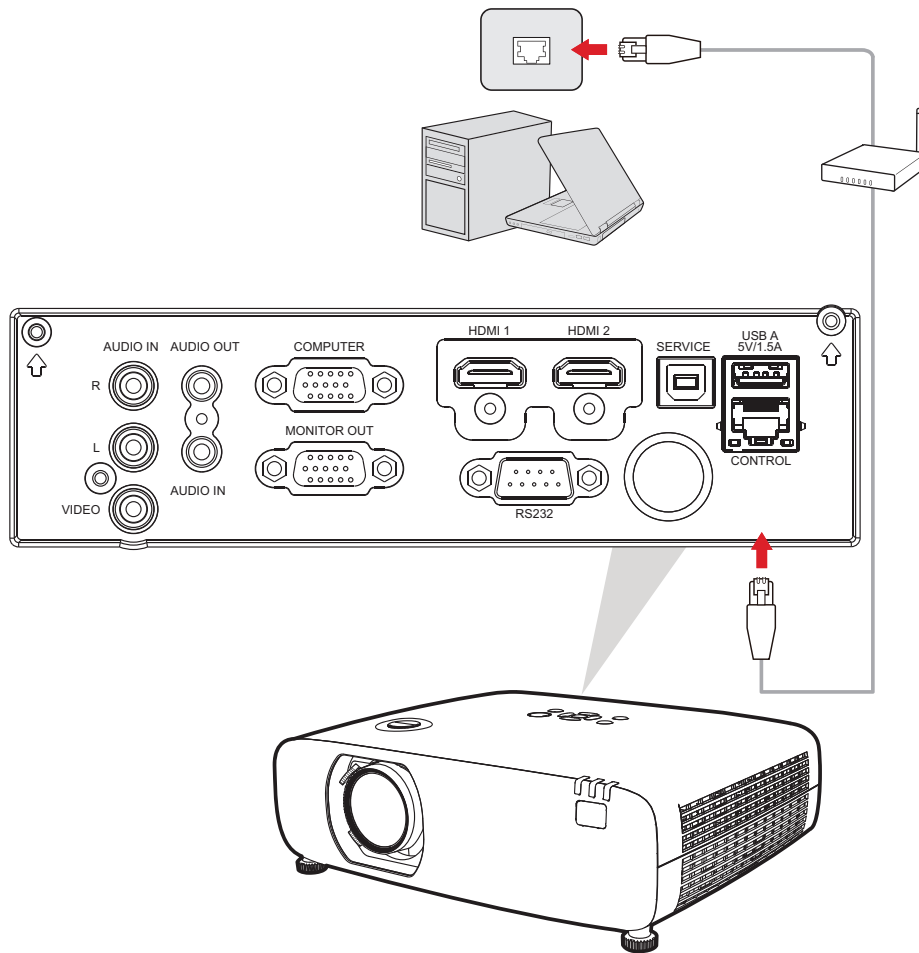
USB Display sẽ xuất âm thanh và hình ảnh của máy tính.

1. Kết nối một đầu của cáp USB Type B vào cổng USB của máy tính. Sau đó, kết nối đầu còn lại của cáp vào cổng **SERVICE** của máy chiếu.
2. Sau khi kết nối, máy tính sẽ tự động phát hiện driver pwPresenter từ máy chiếu. Chọn autorun.exe để cài đặt driver.
3. Trên điều khiển từ xa, nhấn nút **Input** và chọn **USB B** từ menu nguồn đầu vào để hiển thị hình ảnh của máy tính.

## Kết nối mạng

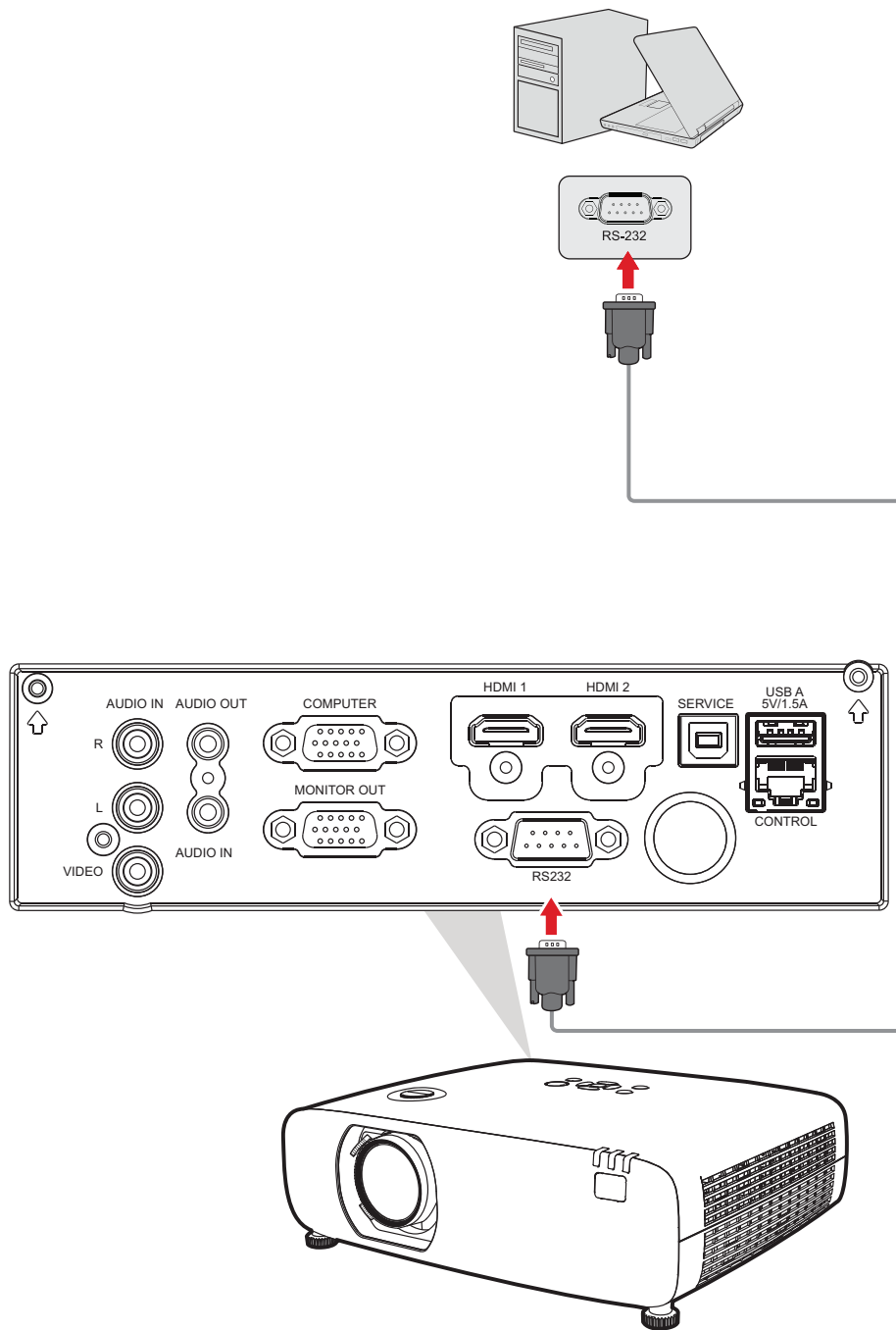
Cắm cáp mạng vào cổng **CONTROL** để kết nối mạng.

Máy chiếu cung cấp một số tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa. Chức năng kết nối LAN /RJ45 của máy chiếu, thông qua mạng có thể giúp người dùng điều khiển máy chiếu từ xa.



## Kết Nối RS-232

Khi sử dụng cáp RS-232 để kết nối máy chiếu với máy tính ngoài, một số chức năng có thể được điều khiển từ xa bằng máy tính, ví dụ như Bật/Tắt Nguồn, điều chỉnh Âm Lượng, chọn Ngõ Vào, Độ Sáng và một số chức năng khác.

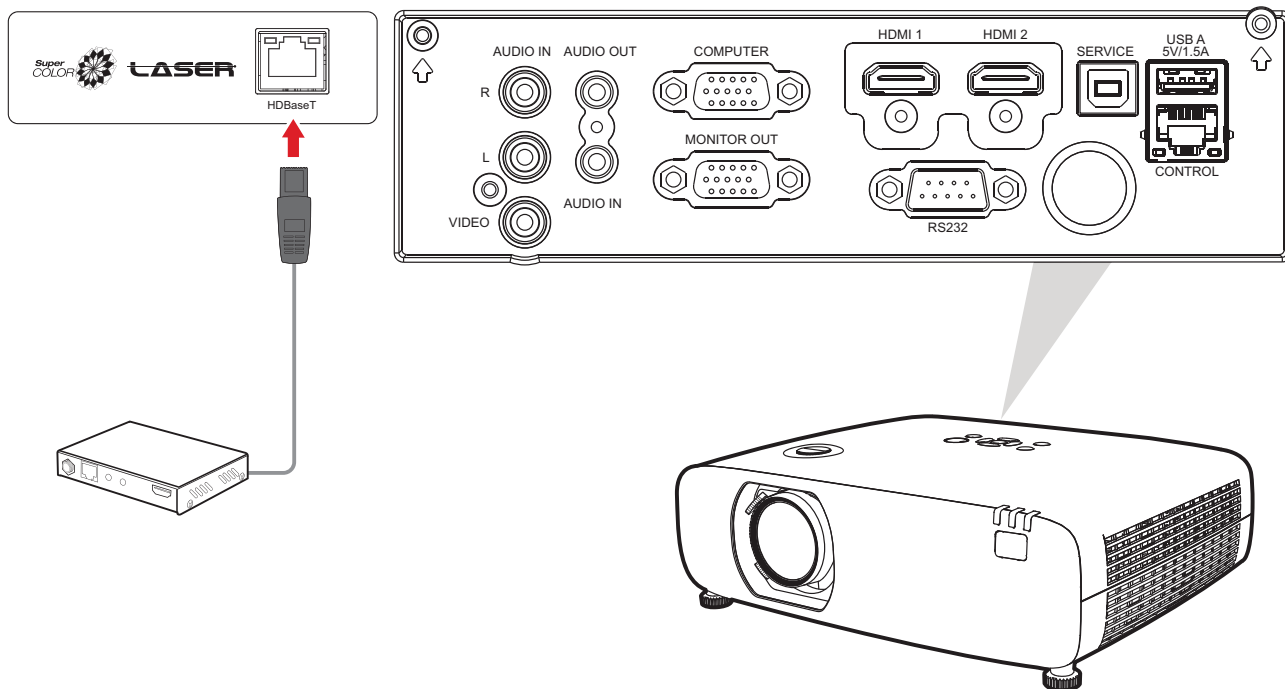




## Kết nối HDBaseT

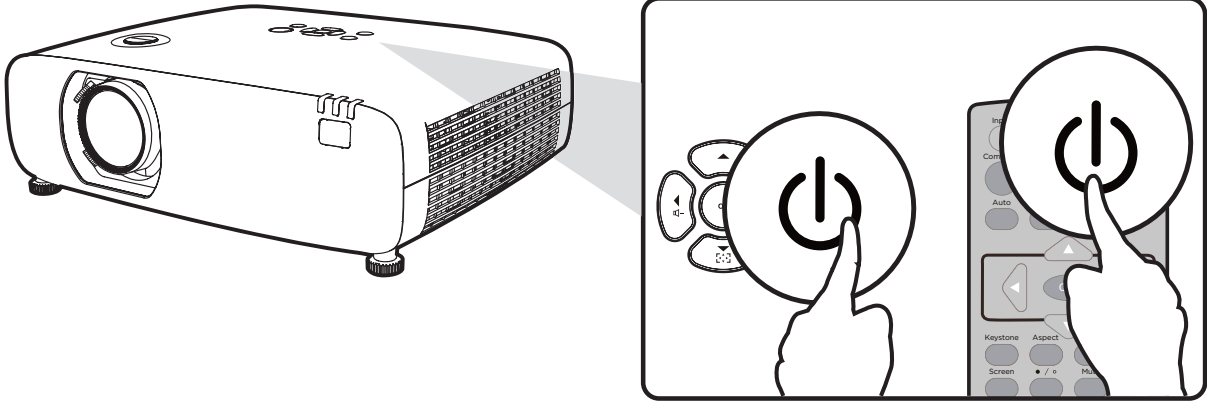
**LƯU Ý:** HDBaseT chỉ khả dụng cho model LSC521WU.

HDBaseT là công nghệ truyền tín hiệu hình ảnh qua cáp LAN



# Sử dụng máy chiếu

## Bật máy chiếu



1. Đảm bảo dây nguồn của máy chiếu được kết nối đúng cách với ổ cắm điện.
2. Nhấn nút **Power (Nguồn)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để bật máy chiếu

### LƯU Ý:

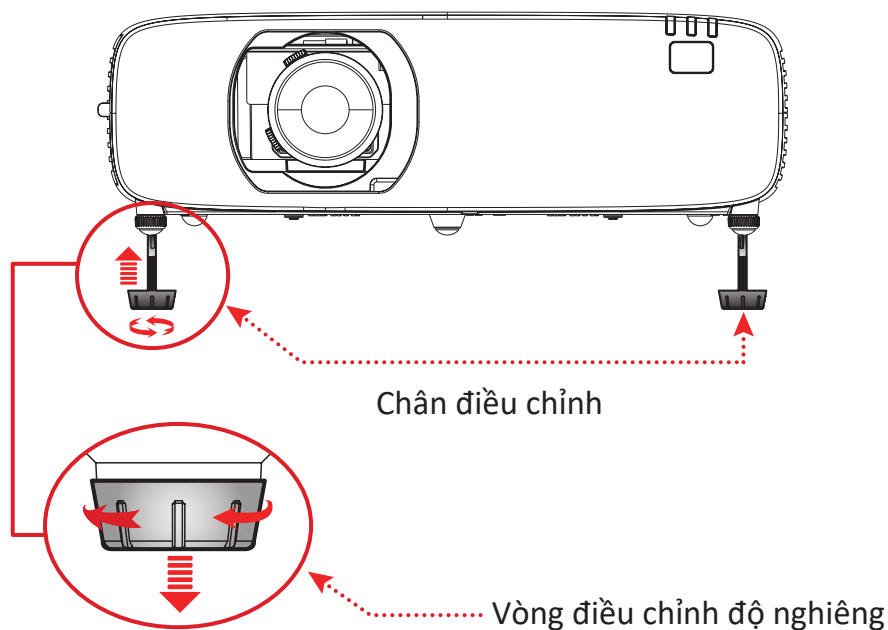
- Đèn báo nguồn sẽ nhấp nháy màu cam khi khởi động.
- Trong lần đầu tiên bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ và hướng chiếu ưa thích.



## Điều chỉnh hình chiếu

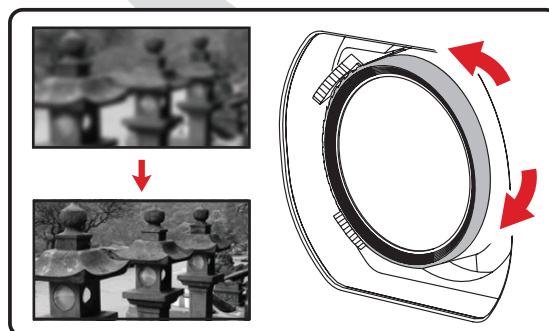
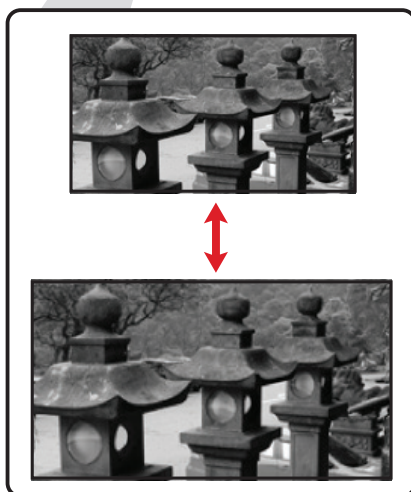
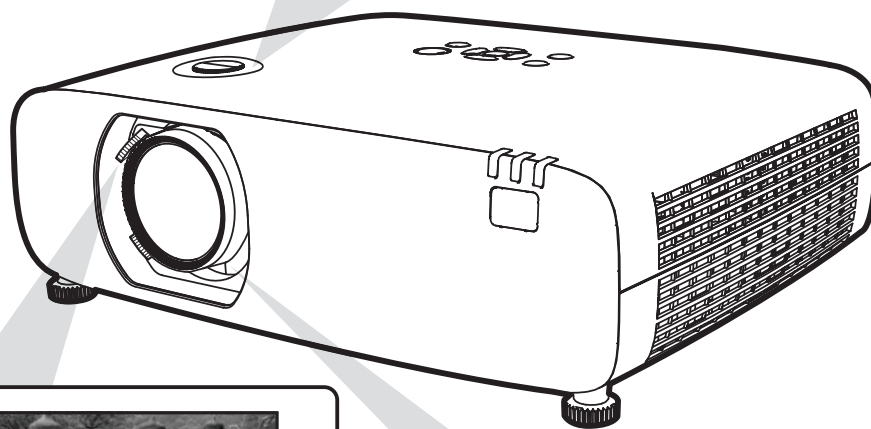
### Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu

Máy chiếu được trang bị hai chân điều chỉnh. Khi điều chỉnh chân sẽ làm thay đổi chiều cao của máy chiếu và góc chiếu dọc.



## Điều chỉnh Tiêu cự, Keystone và Ống kính

Bạn có thể cải thiện và điều chỉnh độ rõ nét cũng như vị trí của hình ảnh bằng cách điều chỉnh **Vòng lấy nét**, **Núm xoay dịch chuyển ống kính** hoặc **Vòng thu phóng**.



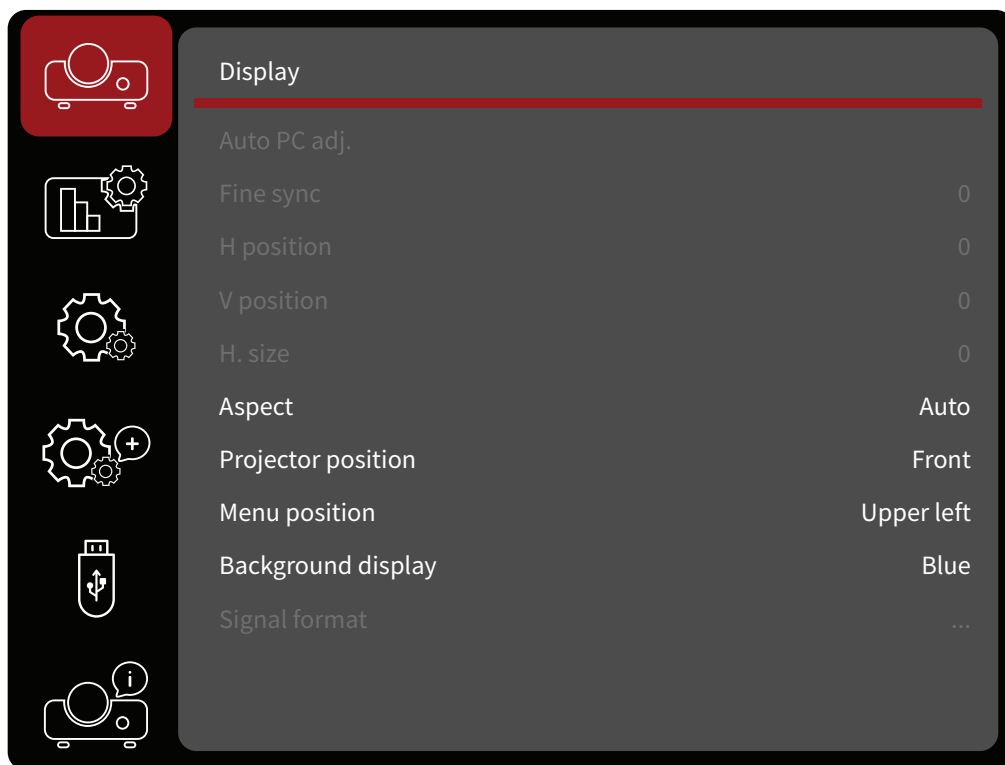
## Tắt máy chiếu

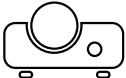
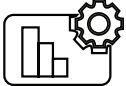



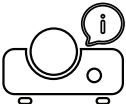
1. Nhấn nút **Power (Nguồn)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa và thông báo “power off” (tắt nguồn) sẽ xuất hiện.
2. Nhấn lại nút **Power (Nguồn)** để xác nhận và tắt máy chiếu.
3. Đèn báo nguồn sẽ nhấp nháy màu cam và chuyển sang chế độ chờ.

# Thao tác menu

## Menu màn hình (OSD)

Máy chiếu có các menu hiển thị trên màn hình đa ngôn ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt khác nhau.



Menu		Mô tả
Display (Höông)		Điêu chỉnh vị trí hình ảnh, Tỷ lệ khung hình, Máy chiếu và Vị trí menu, Hiển thị hình nền và Cài đặt định dạng tín hiệu.
Image Settings (Cài đặt hình ảnh)		Điêu chỉnh Chế độ hình ảnh, Độ tương phản, Độ sáng và các cài đặt hình ảnh khác.
Settings (Cài đặt)		Điêu chỉnh chế độ Bật nguồn trực tiếp, Chế độ chờ, Chế độ High Altitude, Làm mát nhanh, Phụ đề đóng, Khóa phím, Tốc độ truyền, Âm lượng và Thiết lập HDMI.
Advanced (Nâng cao)		Điêu chỉnh các cài đặt Ngôn ngữ, Thiết lập tự động, Keystone, Logo, Bảo mật, Quản lý nguồn, Bộ lọc, Mẫu thử và Thiết lập mạng.
USB A		Điêu chỉnh slide, chuyển tiếp, thứ tự slide và các cài đặt khác khi thiết bị lưu trữ USB loại A được kết nối với máy chiếu.
Information (Thông tin)		Xem thông tin máy chiếu.

## Menu điều hướng

Máy chiếu có các menu hiển thị trên màn hình đa ngôn ngữ cho phép điều chỉnh hình ảnh và cài đặt.

1. Để mở Menu Hiển thị trên màn hình (OSD), hãy nhấn nút **Menu** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
2. Khi menu OSD được hiển thị, hãy sử dụng các nút **Điều hướng** (▲/▼) để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, hãy nhấn nút **OK** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các nút **Điều hướng** (▲/▼/◀/▶) để chọn mục mong muốn trong menu phụ, sau đó nhấn **OK** để xem thêm các cài đặt. Điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng các nút **Điều hướng** (▲/▼/◀/▶).
4. Chọn mục tiếp theo cần điều chỉnh trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn **OK** để xác nhận và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, hãy nhấn nút **Menu** một lần nữa. Menu OSD sẽ đóng lại và máy chiếu sẽ tự động lưu cài đặt mới.



## Cây menu màn hình (OSD)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
<b>Display (Hòùng)</b>	Auto PC Adj. (Tự động điều chỉnh PC)		
	Fine Sync (Đồng bộ hóa tốt)		
	H Position (Vị trí ngang)	(-5~+5)	
	V Position (Vị trí dọc)	(-5~+5)	
	H Size (Kích thước ngang)	(-15~+15)	
	Aspect (Tính năng)	Auto (Tự động)	
		16:9	
		16:10	
		4:3	
		21:9	
		Advanced (Nâng cao)	
	Projector Position (Vị trí máy chiếu)	Front (Mặt trồùng)	
		Rear (Mặt sau)	
		Ceiling / Front (Trần / Phía trước)	
		Ceiling / Rear (Trần / Phía sau)	
		Auto Ceiling / Front (Tự động lật ngược / Phía trước)	
		Auto Ceiling / Rear (Tự động lật ngược / Phía sau)	
	Menu Position (Vị trí Menu)	Upper Left (Phía trên bên trái)	
		Upper Right (Phía trên bên phải)	
		Center (Giữa)	
Lower Left (Phía dưới bên trái)			
Lower Right (Phía dưới bên phải)			
Background Display (Hiển thị hình nền)	Black (Đen)		
	Blue (Lam)		
Signal Format (Định dạng tín hiệu)			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
<b>Image Settings (Cài đặt hình ảnh)</b>	Image Mode (Chế độ hình ảnh)	Standard (Chuẩn)		
		Cinema (chiếu phim)		
		Golf		
		Colorboard (Bảng màu)		
		User (Người dùng)		
		Brightest (Sáng nhất)		
	Dynamic Mode (Chế độ động)	Off (Tắt)		
		Mode 1 (Chế độ 1)		
		Mode 2 (Chế độ 2)		
		Mode 3 (Chế độ 3)		
	Contrast (Độ tương phản)	(0~63)		
	Brightness (Độ sáng)	(0~63)		
	Color Temp (Nhiệt độ màu)	High (Cao)		
		Mid (Vừa)		
		Low (Thấp)		
		User (Người dùng)		
	Color (Màu sắc)	(0~63)		
	Tint (Sắc độ)	(0~63)		
	Red (Đỏ)	(0~63)		
	Green (Lục)	(0~63)		
	Blue (Lam)	(0~63)		
	Sharpness (Độ sắc nét)	(0~15)		
	Advanced Color Adj. (Điều chỉnh màu nâng cao)	Hue/Saturation/Gain (Sắc độ/Độ bão hòa/ Độ tăng)		Red (Đỏ)
				Yellow (Vàng)
				Green (Lục)
				Cyan (Xanh ngọc)
				Blue (Lam)
Magenta (Đỏ thẫm)				
Reset (Khởi động lại)				

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
<b>Settings (Cài đặt)</b>	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)	On (Bật)	
		Off (Tắt)	
	Standby Mode (Chế độ chờ)	Normal (Thường)	
		ECO	
		Network (Mạng)	
	High Altitude Mode (Chế độ cao trình)	On (Bật)	
		Off (Tắt)	
		Auto (Tự động)	
	Cooling Fast (Làm mát nhanh)	Normal (Thường)	
		30 sec (30 giây)	
		0 sec (0 giây)	
	Closed Caption (Phụ đề đóng)	Off (Tắt)	
		CC1	
		CC2	
		CC3	
	Key Lock (Khóa phím)	On (Bật)	
		Off (Tắt)	
		19200	
		4800	
	Baud Rate (Tốc độ truyền)	38400	
		9600	
		Laser Control (Điều khiển Laser)	Light Source Mode (Chế độ nguồn sáng)
	Full (Đầy đủ)		
	ECO1		
	ECO2		
	Sound (Âm thanh)	Volume (Âm lượng)	(0~25)
		Mute (Tắt âm)	On (Bật)
			Off (Tắt)
HDMI Setup (Cài đặt HDMI)	Image (Hình ảnh)	Auto (Tự động)	
		(64~940)	
		(0~1023)	
	Sound (Âm thanh)	HDMI	
		Computer (Máy tính)	
HDMI EQ Settings (Cài đặt HDMI EQ)		0/1/2/3	

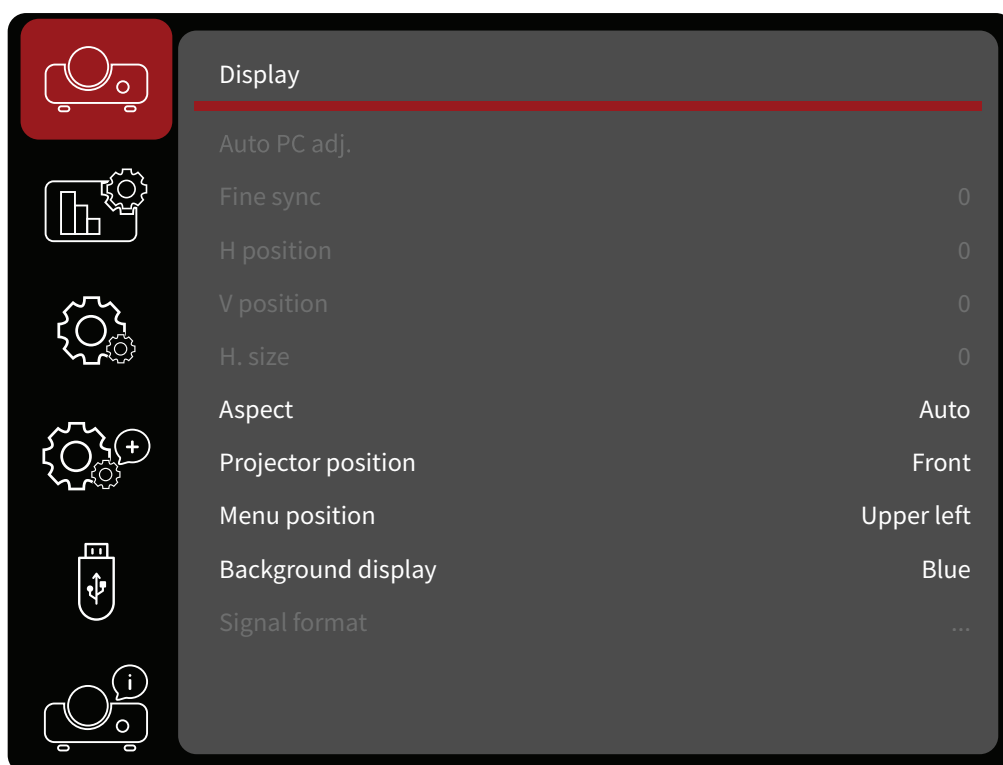
Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
<b>Advanced (Nâng cao)</b>	Language (Ngôn ngữ)	English Deutsch Français Italiano Español Português Nederlands Svenska Suomi Norsk Dansk Polski Český Magyar Русский Türkçe Қазақ Tiếng Việt 한국어 日本語 ไทย 中文繁體 中文 Bahasa Indonesia ىسراف		
	Auto Setup (Cài đặt tự động)	Input Search (Tìm kiếm đầu vào)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
		Auto PC Adj. (Tự động điều chỉnh PC)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
		Auto Keystone (Tự chỉnh vuông hình)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
	Keystone (Chỉnh vuông hình)	Keystone (Chỉnh vuông hình)	Store (Lưu trữ)	
			Reset (Khởi động lại)	
		H/V Keystone (Chỉnh vuông hình ngang/ dọc)		
		4-Corner Correction (Hiệu chỉnh 4 góc)		
		6-Corner Correction (Hiệu chỉnh 6 góc)		
		Curved Correction (Hiệu chỉnh cong)		
		Grid Image Tune (Điều chỉnh hình ảnh lưới)		
		Reset Value (Đặt lại giá trị)		

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
<b>Advanced (Nâng cao)</b>	Logo	Logo Select (Chọn logo)	Default (Mặc định)
			User (Người dùng)
			Off (Tắt)
		Capture (Chụp)	
		Logo PIN Code Lock (Logo Khóa mã PIN)	On (Bật)
			Off (Tắt)
	Logo PIN Code Change (Thay đổi mã PIN Logo)		
	Security (Bảo mật)	PIN Code Lock (Khóa mã PIN)	On (Bật)
			Off (Tắt)
	Power Management (Quản lý nguồn)	PIN Code Change (Thay đổi mã PIN)	
			Ready (Sẵn sàng sử dụng)
			Shutdown (Tắt máy)
		Off (Tắt)	
		Timer (Hẹn giờ)	(1~30 phút)
	Ready Countdown (Sẵn sàng đếm ngược)		(0~30 phút)
	Filter Counter (Bộ đếm bộ lọc)	Timer (Hẹn giờ)	Off (Tắt)
			500H
			1000H
			2000H
		Filter Counter Reset (Đặt lại bộ đếm bộ lọc)	
		Filter Status (Trạng thái bộ lọc)	On (Bật)
	Off (Tắt)		
	Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)		
	Network Setup (Thiết lập mạng)		
	Factory Default (Cài đặt mặc định)		

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu
<b>USB-A</b>	Set Slide (Đặt Slide)	
	Slide Transition Effect (Hiệu ứng chuyển slide)	
	Sort Order (Thứ tự sắp xếp)	
	Rotate (Xoay)	
	Best Fit (Phù hợp nhất)	
	Repeat (Lặp lại)	
	Apply (Áp dụng)	
<b>Information (Thông tin)</b>	Input (Đầu vào)	
	H-Sync Freq. (Tần số đồng bộ hóa ngang)	
	V-Sync Freq. (Tần số đồng bộ hóa dọc)	
	Light Source Counter (Bộ đếm nguồn sáng)	
	MAC Address	
	S/N	
	Firmware Version (P.bản firmware)	
	SUBCPU	

# Tùy chọn Menu

## Display (Höông)



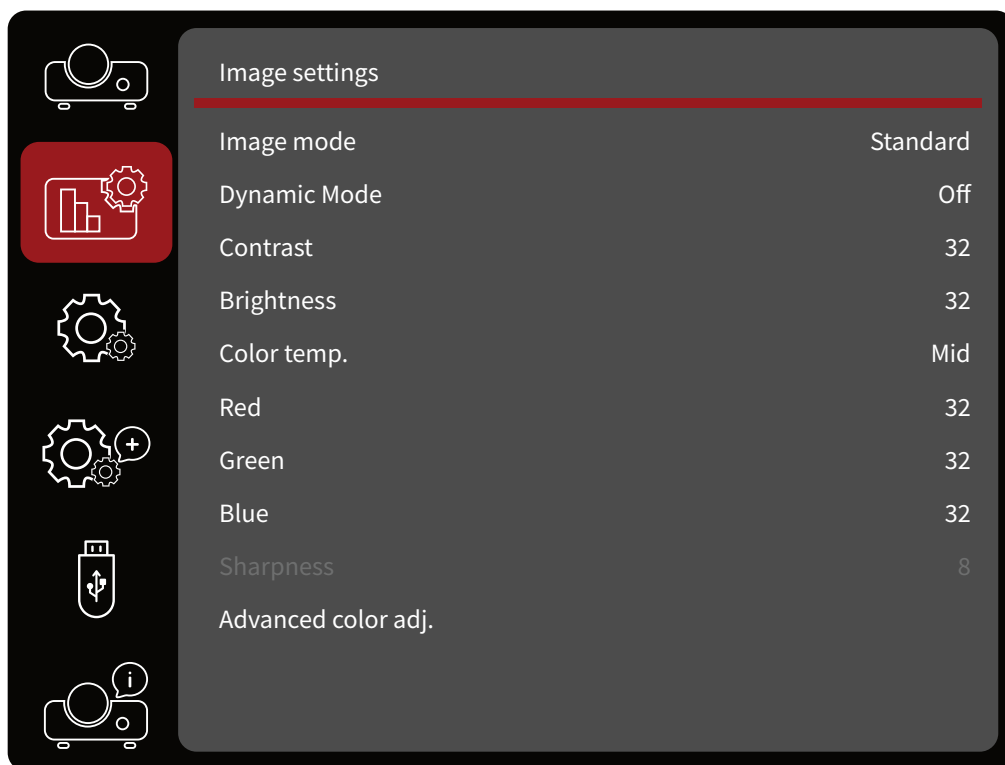
Menu	Mô tả
<b>Auto PC Adj.</b> (Tự động điều chỉnh PC)	Tự động điều chỉnh thời gian chiếu hình ảnh tốt nhất. <b>LƯU Ý:</b> Chỉ dành cho tín hiệu đầu vào PC.
<b>Fine Sync</b> (Đồng bộ hóa tốt)	Điều chỉnh thủ công thời gian chiếu hình ảnh. <b>LƯU Ý:</b> Chỉ dành cho tín hiệu đầu vào PC.
<b>H Position (Vị trí ngang)</b>	Thiết lập thủ công vị trí ngang của hình ảnh được chiếu. <b>LƯU Ý:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ dành cho tín hiệu đầu vào PC.</li><li>Phạm vi điều chỉnh có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian hiển thị.</li></ul>
<b>V Position (Vị trí dọc)</b>	Thiết lập thủ công vị trí dọc của hình ảnh được chiếu. <b>LƯU Ý:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ dành cho tín hiệu đầu vào PC.</li><li>Phạm vi điều chỉnh có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian hiển thị.</li></ul>
<b>H. Size</b> (Kích thước ngang)	Thiết lập thủ công chiều rộng ngang của hình ảnh được chiếu. <b>LƯU Ý:</b> Chỉ dành cho tín hiệu đầu vào PC.

Menu	Mô tả
<b>Aspect (Tính năng)</b>	<p><u>Auto (Tự động)</u></p> <p>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Thiết lập này phù hợp với hình ảnh đầu vào không ở tỷ lệ 4:3 hay 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không làm thay đổi tỷ lệ khung hình của hình ảnh.</p> <p><u>16:9</u></p> <p>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Thiết lập này phù hợp nhất với hình ảnh ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao, vì nó hiển thị hình ảnh mà không làm thay đổi tỷ lệ khung hình.</p> <p><u>16:10</u></p> <p>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:10. Chế độ này phù hợp nhất với những hình ảnh đã có tỷ lệ 16:10, vì khi hiển thị sẽ không bị thay đổi tỷ lệ.</p> <p><u>4:3</u></p> <p>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình.</p> <p><u>21:9</u></p> <p>Thay đổi kích thước hình ảnh cho ứng dụng MTR.</p> <p><u>Advanced (Nâng cao)</u></p> <p>Cài đặt tỷ lệ khung hình nâng cao để phân vùng màn hình.</p>
<b>Projector Position (Vị trí máy chiếu)</b>	Chọn vị trí chiếu của máy chiếu.
<b>Menu Position (Vị trí Menu)</b>	Thiết lập vị trí của Menu OSD trên màn hình.
<b>Background Display (Hiển thị hình nền)</b>	Thiết lập màu nền
<b>Signal Format (Định dạng tín hiệu)<sup>1</sup></b>	Thiết lập màu hiển thị của vùng chiếu.

1 - Không khả dụng cho đầu đọc USB, màn hình USB hoặc màn hình LAN.



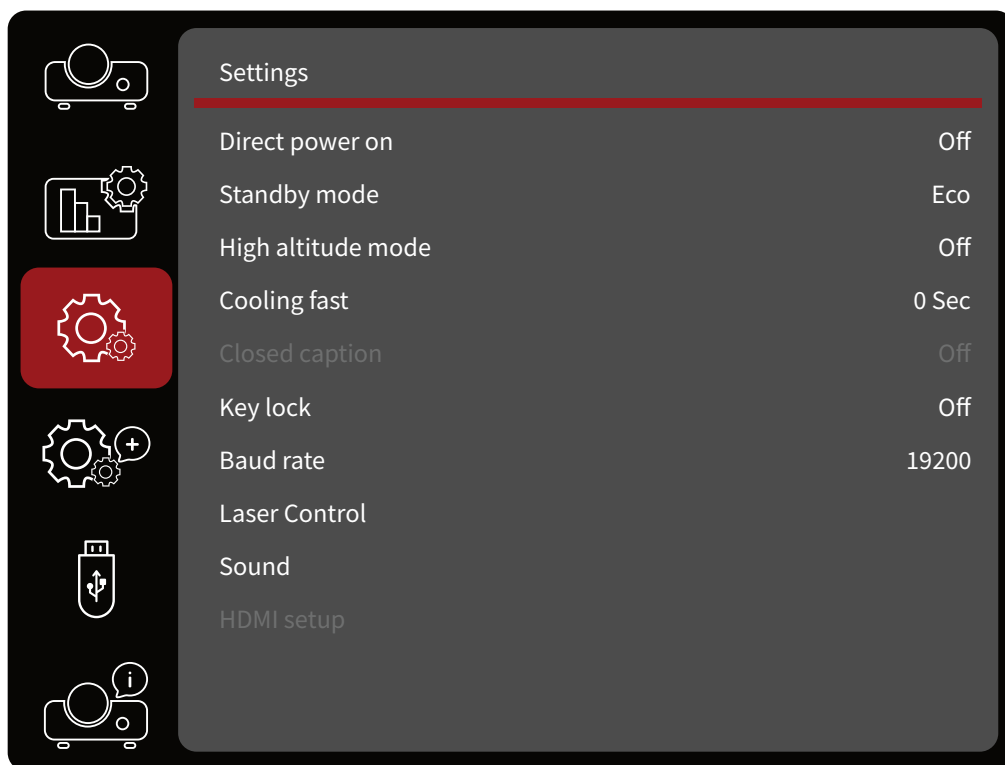
## Image Settings (Cài đặt hình ảnh)



Menu	Mô tả														
<b>Image Mode</b> (Chế độ hình ảnh)	<p>Có một số chế độ hiển thị được thiết lập trước mà bạn có thể chọn để phù hợp với sở thích xem của mình.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chế độ</th> <th>Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>Standard</b> (Chuẩn)</td> <td>Được thiết kế cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.</td> </tr> <tr> <td><b>Cinema</b> (chiếu phim)</td> <td>Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.</td> </tr> <tr> <td><b>Golf</b></td> <td>Thích hợp cho máy mô phỏng chơi golf.</td> </tr> <tr> <td><b>Colorboard</b> (Bảng màu)</td> <td>Được thiết kế cho những môi trường có nhiều màu tường khác nhau.</td> </tr> <tr> <td><b>User</b> (Người dùng)</td> <td>Cài đặt hình ảnh tùy chỉnh theo người dùng.</td> </tr> <tr> <td><b>Brightest</b> (Sáng nhất)</td> <td>Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.</td> </tr> </tbody> </table>	Chế độ	Mô tả	<b>Standard</b> (Chuẩn)	Được thiết kế cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.	<b>Cinema</b> (chiếu phim)	Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.	<b>Golf</b>	Thích hợp cho máy mô phỏng chơi golf.	<b>Colorboard</b> (Bảng màu)	Được thiết kế cho những môi trường có nhiều màu tường khác nhau.	<b>User</b> (Người dùng)	Cài đặt hình ảnh tùy chỉnh theo người dùng.	<b>Brightest</b> (Sáng nhất)	Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.
Chế độ	Mô tả														
<b>Standard</b> (Chuẩn)	Được thiết kế cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.														
<b>Cinema</b> (chiếu phim)	Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.														
<b>Golf</b>	Thích hợp cho máy mô phỏng chơi golf.														
<b>Colorboard</b> (Bảng màu)	Được thiết kế cho những môi trường có nhiều màu tường khác nhau.														
<b>User</b> (Người dùng)	Cài đặt hình ảnh tùy chỉnh theo người dùng.														
<b>Brightest</b> (Sáng nhất)	Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.														
<b>Dynamic Mode</b> (Chế độ động)	<p><u>Off (Tắt)</u></p> <p>Tắt độ tương phản động.</p> <p><u>Mode 1/2/3 (Chế độ 1/2/3)</u></p> <p>Điều chỉnh mức độ nguồn sáng.</p>														
<b>Contrast</b> (Độ tương phản)	Sử dụng tính năng này để cài mức trắng tối đa sau khi bạn đã điều chỉnh cài đặt <b>Brightness (Độ sáng)</b> cho phù hợp với đầu vào và môi trường xem đã chọn.														

Menu	Mô tả
<b>Brightness (Độ sáng)</b>	Giá trị càng cao, hình ảnh càng sáng. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng tối.
<b>Color Temp. (Nhiệt độ màu)</b>	<u>High/Mid/Low (Cao/Trung bình/Thấp)</u> Chọn nhiệt độ từ màu Ấm, Chuẩn hoặc Lạnh. <u>User (Người dùng)</u> Thiết lập nhiệt độ màu tùy chỉnh
<b>Red (Đỏ)</b>	Điều chỉnh mức độ tương phản của màu đỏ.
<b>Green (Lục)</b>	Điều chỉnh mức độ tương phản của màu xanh lá cây.
<b>Blue (Lam)</b>	Điều chỉnh mức độ tương phản của màu xanh lam.
<b>Sharpness (Độ sắc nét)</b>	Giá trị cao hơn sẽ làm sắc nét hình ảnh, trong khi giá trị thấp hơn sẽ làm mềm hình ảnh.
<b>Advanced Color Adj. (Điều chỉnh màu nâng cao)</b>	Chỉ trong các công trình đặt cố định có mức độ chiếu sáng được kiểm soát như phòng họp, giảng đường thì mới nên cân nhắc dùng chế độ điều chỉnh màu nâng cao. Điều chỉnh màu nâng cao cung cấp khả năng điều chỉnh kiểm soát màu sắc tinh tế để cho phép tái tạo màu chính xác hơn. Trước tiên, hãy chọn màu chính và điều chỉnh phạm vi/giá trị của màu đó theo sắc độ, độ bão hòa và độ khuếch đại.

## Settings (Cài đặt)

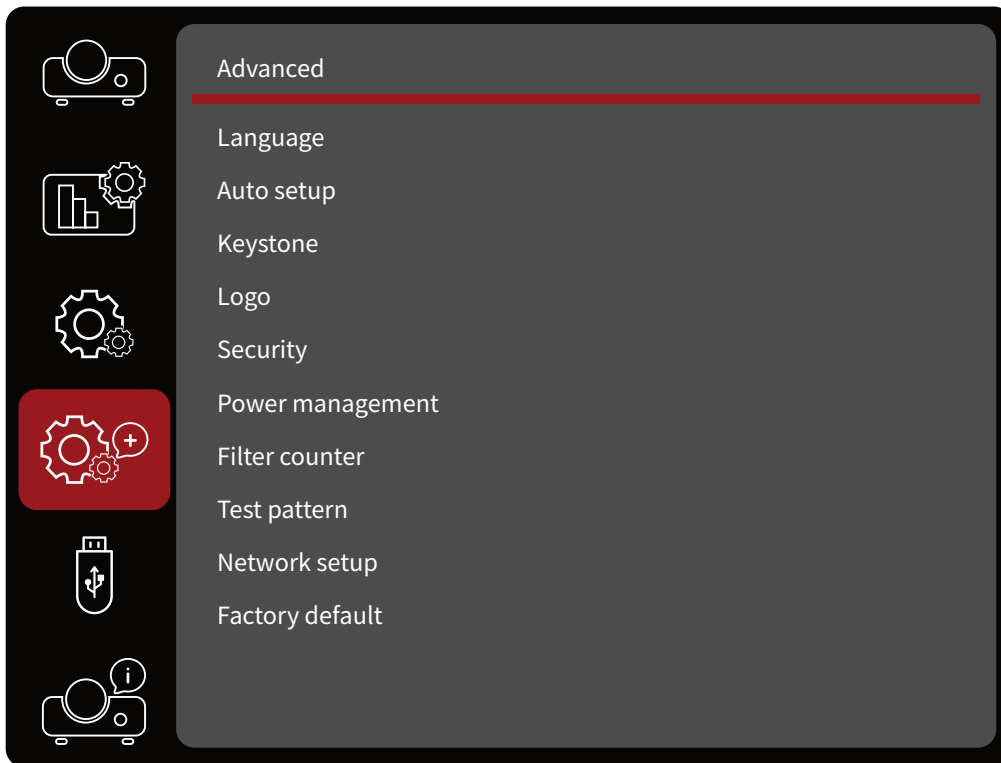


Menu	Mô tả
<b>Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)</b>	Máy chiếu sẽ tự động bật khi được kết nối với nguồn điện.
<b>Standby Mode (Chế độ chờ)</b>	<p><u>Normal (Thường)</u> Chế độ chờ bình thường &gt; 0,5W; chức năng Thiết lập mạng khả dụng.</p> <p><u>Eco (T.kiệm)</u> Chế độ chờ Eco &lt; 0,5W; chức năng Thiết lập mạng không khả dụng.</p> <p><u>Network (Mạng)</u> Chế độ chờ mạng; chỉ chế độ Wake on LAN (WOL) khả dụng.</p>
<b>High Altitude Mode (Chế độ cao trình)</b>	Khi được bật, quạt sẽ quay nhanh hơn để làm mát và hiệu suất tốt hơn. Điều này rất hữu ích cho môi trường ở độ cao lớn, nơi không khí loãng. Nếu được đặt thành <b>Auto (Tự động)</b> , máy chiếu sẽ tự động kích hoạt chế độ độ cao (high-altitude).
<b>Cooling Fast (Làm mát nhanh)</b>	Chọn tốc độ quạt làm mát để rút ngắn thời gian làm mát.
<b>Closed Caption (Phụ đề đóng)<sup>2</sup></b>	Cho phép hiển thị phụ đề đóng khi tín hiệu đầu vào được chọn có phụ đề đóng.
<b>Key Lock (Khóa phím)</b>	Khóa và mở khóa bảng điều khiển.

2 - Chỉ khả dụng cho đầu vào Video.

Menu	Mô tả																		
<b>Baud Rate (Tốc độ truyền)</b>	Thiết lập tốc độ truyền giống với máy tính của bạn để bạn có thể kết nối máy chiếu bằng cáp RS-232 phù hợp và điều khiển máy chiếu bằng lệnh RS-232.																		
<b>Laser Control (Điều khiển Laser)</b>	Thay đổi độ sáng của nguồn sáng theo môi trường hoạt động của máy chiếu. <u>Normal (Thường)</u> Mức độ sáng có thể điều chỉnh, 50%~100%. <u>Full (Đầy đủ)</u> Mức độ sáng không thể điều chỉnh, 100%. <u>ECO1</u> Độ sáng 60%. <u>ECO2</u> Độ sáng 50%.																		
<b>Sound (Âm thanh)</b>	<u>Volume (Âm lượng)</u> Giảm hoặc tăng mức âm thanh. <u>Mute (Tắt âm)</u> Tắt hoặc bật âm thanh.																		
<b>HDMI Setup (Cài đặt HDMI)</b>	<p><u>Image (Hình ảnh)</u></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Chế độ</th> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Auto (Tự động)</b></td> <td>Tự động đặt thành tín hiệu chuẩn.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>64~940</b></td> <td>Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>0~1023</b></td> <td>Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>Sound (Âm thanh)</u></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Chế độ</th> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>HDMI</b></td> <td>Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b>.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Computer (Máy tính)</b></td> <td>Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>COMPUTER (MÁY TÍNH)</b>.</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>HDMI EQ Settings (Cài đặt HDMI EQ)</u></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Chế độ</th> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>0/1/2/3</b></td> <td>Điều chỉnh mức tín hiệu đầu vào HDMI theo thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b>. Nếu hình ảnh có nhiều nhiễu hoặc xảy ra sự cố như không thể chiếu hình ảnh, bạn phải thay đổi cài đặt.</td> </tr> </tbody> </table>	Chế độ	Mô tả	<b>Auto (Tự động)</b>	Tự động đặt thành tín hiệu chuẩn.	<b>64~940</b>	Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.	<b>0~1023</b>	Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.	Chế độ	Mô tả	<b>HDMI</b>	Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b> .	<b>Computer (Máy tính)</b>	Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>COMPUTER (MÁY TÍNH)</b> .	Chế độ	Mô tả	<b>0/1/2/3</b>	Điều chỉnh mức tín hiệu đầu vào HDMI theo thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b> . Nếu hình ảnh có nhiều nhiễu hoặc xảy ra sự cố như không thể chiếu hình ảnh, bạn phải thay đổi cài đặt.
Chế độ	Mô tả																		
<b>Auto (Tự động)</b>	Tự động đặt thành tín hiệu chuẩn.																		
<b>64~940</b>	Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.																		
<b>0~1023</b>	Điều chỉnh tín hiệu thủ công cho đến khi hình ảnh bình thường.																		
Chế độ	Mô tả																		
<b>HDMI</b>	Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b> .																		
<b>Computer (Máy tính)</b>	Xuất âm thanh từ thiết bị được kết nối với cổng <b>COMPUTER (MÁY TÍNH)</b> .																		
Chế độ	Mô tả																		
<b>0/1/2/3</b>	Điều chỉnh mức tín hiệu đầu vào HDMI theo thiết bị được kết nối với cổng <b>HDMI</b> . Nếu hình ảnh có nhiều nhiễu hoặc xảy ra sự cố như không thể chiếu hình ảnh, bạn phải thay đổi cài đặt.																		

## Advanced (Nâng cao)



Menu	Mô tả
Language (Ngôn ngữ)	Chọn ngôn ngữ cho Menu màn hình (OSD).
<b>Auto Setup (Cài đặt tự động)</b>	<p><u>Input Search (Tìm kiếm đầu vào)</u> Tự động tìm và chiếu nguồn phát đầu vào khả dụng.</p> <p><u>Auto PC Adj. (Tự động điều chỉnh PC)</u> Khi chế độ Auto PC Adj. được bật, máy chiếu sẽ nhận tín hiệu analog. Nhấn nút <b>Auto</b> trên điều khiển từ xa sẽ tự động điều chỉnh các chế độ Fine Sync, H. Position, V. Position và H. Size. Khi chế độ Auto PC Adj. bị tắt, nút <b>Auto</b> trên điều khiển từ xa sẽ không khả dụng.</p> <p><u>Auto Keystone (Tự chỉnh vuông hình)</u> Tự động sửa hình ảnh chiếu bị méo</p>

Menu	Mô tả
<p><b>Keystone (Chỉnh vuông hình)</b></p>	<p><u>Keystone (Chỉnh vuông hình)</u>            Lưu trữ hoặc thiết lập lại chức năng chỉnh méo sau khi rút dây nguồn.</p> <p><u>H/V Keystone (Chỉnh vuông hình ngang/doc)</u>            Chỉnh sửa hình ảnh chiếu theo chiều ngang hoặc chiều dọc.</p> <p><u>4-Corner Correction (Hiệu chỉnh 4 góc)</u>            Chỉnh sửa bốn góc của hình ảnh chiếu.</p> <p><u>6-Corner Correction (Hiệu chỉnh 6 góc)</u>            Chỉnh sửa sáu góc của hình ảnh chiếu.</p> <p><u>Curved Correction (Hiệu chỉnh cong)</u>            Chỉnh sửa hình ảnh chiếu không đều hoặc bị biến dạng do bề mặt cong.</p> <p><u>Grid Image Tune (Điều chỉnh hình ảnh lưới)</u>            Chỉnh sửa các điểm cục bộ của hình ảnh chiếu.</p> <p><u>Reset (Khởi động lại)</u>            Trả về cài đặt mặc định.</p>
<p><b>Logo</b></p>	<p><u>Logo Select (Chọn logo)</u>            Đặt logo khởi động khi bật máy chiếu.</p> <p><u>Capture (Chụp)</u>            Chụp hình ảnh đang chiếu và sử dụng làm logo khởi động.</p> <p><u>Logo PIN Code Lock (Logo Khóa mã PIN)</u>            Ngăn người dùng không được phép thay đổi màn hình logo.</p> <p><u>Logo PIN Code Change (Thay đổi mã PIN Logo)</u>            Đổi mã PIN thành 3 chữ số bất kỳ.</p>
<p><b>Security (Bảo mật)</b></p>	<p><u>PIN Code Lock (Khóa mã PIN)</u>            Ngăn người không được phép vận hành máy chiếu.</p> <p><u>PIN Code Change (Thay đổi mã PIN)</u>            Đổi mã PIN thành 3 chữ số bất kỳ.</p>

Menu	Mô tả
<p><b>Power Management (Quản lý nguồn)</b></p>	<p><u>Ready (Sẵn sàng sử dụng)</u></p> <p>Sẽ hiển thị bộ đếm ngược sau 30 giây nếu không có tín hiệu đầu vào.</p> <p>Cho phép máy chiếu tự động bật chế độ Sẵn sàng sau một khoảng thời gian đã đặt khi không phát hiện nguồn tín hiệu đầu vào.</p> <p>Nếu tín hiệu đầu vào được kết nối lại hoặc có bất kỳ phím nào (trừ phím Nguồn) trên điều khiển từ xa hoặc bảng điều khiển được nhấn, nguồn sáng sẽ được bật lại.</p> <p><u>Shutdown (Tắt máy)</u></p> <p>Sẽ hiển thị bộ đếm ngược sau 30 giây nếu không có tín hiệu đầu vào.</p> <p>Cho phép máy chiếu tự động tắt sau một khoảng thời gian đã đặt khi không phát hiện thấy nguồn đầu vào nào để tránh lãng phí tuổi thọ của nguồn sáng một cách không cần thiết.</p> <p><u>Off (Tắt)</u></p> <p>Tắt chức năng quản lý nguồn điện.</p> <p><u>Timer (Hẹn giờ)</u></p> <p>Thiết lập khoảng thời gian sau khi không phát hiện thấy nguồn đầu vào nào và cho phép máy chiếu tự động chuyển sang chế độ Sẵn sàng.</p> <p><u>Ready Countdown (Sẵn sàng đếm ngược)</u></p> <p>Khi chế độ Quản lý nguồn điện được đặt thành Sẵn sàng, thời gian chuyển đổi từ chế độ Sẵn sàng sang chế độ chờ là từ 0 đến 30 phút.</p> <p>Nếu được đặt thành 0, máy chiếu không thể tự động chuyển đổi. Ở chế độ Sẵn sàng, nhấn nút <b>Power (Nguồn)</b> để chuyển máy chiếu từ chế độ Sẵn sàng sang chế độ Chờ và nhấn bất kỳ phím nào khác để bật máy chiếu.</p>

Menu	Mô tả
<p><b>Filter Counter</b> <b>(Bộ đếm bộ lọc)</b></p>	<p>Bộ lọc ngăn bụi xâm nhập vào máy chiếu, bụi có thể tích tụ trên các bộ phận bên trong. Nếu bộ lọc bị tắc có thể làm giảm hiệu suất của quạt làm mát, khiến máy chiếu quá nóng và có khả năng làm giảm tuổi thọ của máy. Cần vệ sinh bộ lọc ngay lập tức bất cứ khi nào biểu tượng Cảnh báo bộ lọc xuất hiện.</p> <p>Vui lòng làm theo các bước sau để vệ sinh bộ lọc của bạn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tắt máy chiếu và rút phích cắm khỏi nguồn điện.</li> <li>2. Tháo bộ lọc.</li> <li>3. Nhẹ nhàng vệ sinh bộ lọc bằng chổi.</li> <li>4. Thay bộ lọc, đảm bảo bộ lọc đã được lắp hoàn toàn.</li> </ol> <p><u>Filter Counter (Bộ đếm bộ lọc)</u></p> <p>Hiển thị thời gian sử dụng bộ lọc.</p> <p><u>Timer (Hen giờ)</u></p> <p>Thiết lập thời gian vệ sinh bộ lọc.</p> <p><u>Filter Counter Reset (Đặt lại bộ đếm bộ lọc)</u></p> <p>Đặt lại bộ đếm bộ lọc</p> <p><u>Filter Status (Trạng thái bộ lọc)</u></p> <p>Kiểm tra thời gian trên bộ lọc của máy chiếu.</p>
<p><b>Test Pattern</b> <b>(Hình Thức Kiểm Tra)</b></p>	<p>Hiển thị mẫu thử nghiệm tích hợp của máy chiếu.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Không khả dụng cho USB A, USB B và trình chiếu LAN.</p>
<p><b>Network Setup</b> <b>(Thiết lập mạng)</b></p>	<p>Đặt địa chỉ IP, LAN và cài đặt DHCP.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Máy chiếu không hỗ trợ màn hình không dây. Người dùng có thể mua bộ thu sóng Wi-Fi có driver RTL8192EU tích hợp.</p>
<p><b>Factory Default</b> <b>(Cài đặt mặc định)</b></p>	<p>Trả tất cả các cài đặt về giá trị mặc định.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng Cài đặt lại, các cài đặt sau vẫn sẽ được giữ nguyên: Ngôn ngữ, Chế độ chiếu, Tốc độ truyền, Độ cao và Số Giờ nguồn sáng.</p>

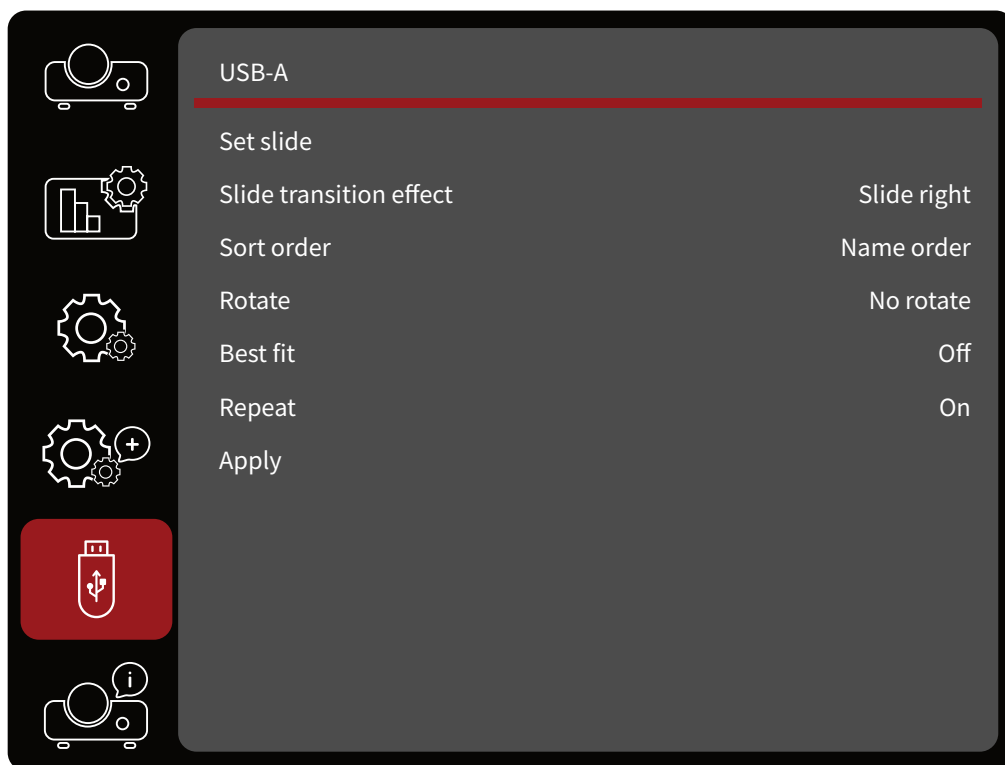


## Điều khiển máy chiếu qua mạng

Máy chiếu này cung cấp các tính năng quản lý từ xa và kết nối mạng đa dạng. Chức năng LAN /RJ45 của máy chiếu có thể quản lý từ xa thông qua mạng các cài đặt: Bật/Tắt nguồn, Điều chỉnh âm lượng, Chọn đầu vào, Độ sáng và nhiều chức năng khác.

1. Kết nối máy chiếu với mạng qua cổng LAN/RJ45.
2. Mở Menu OSD và đi đến: **Advanced (Nâng cao) > Network Setup (Thiết lập mạng)**.
3. Chọn **DHCP** và **On (Bật)** nó lên để tự động lấy địa chỉ IP; hoặc chọn **Off (Tắt)** để nhập thông tin mạng theo cách thủ công.  
**LƯU Ý:** Vui lòng đợi khoảng 15~20 giây, sau đó vào lại trang cài đặt **Network Setup (Thiết lập mạng)**. Bây giờ, các cài đặt Địa Chỉ IP, Subnet Mask, Cổng Mặc Định và Máy Chủ DNS của máy chiếu sẽ được hiển thị. Ghi lại Địa Chỉ IP được hiển thị trong mục Địa Chỉ IP Máy Chiếu.
4. Sử dụng trình duyệt web và trong cùng một mạng, hãy nhập địa chỉ IP của máy chiếu.
5. Nhập tên người dùng và mật khẩu, sau đó nhấn vào **Log in**.

## USB-A



Menu	Mô tả
<b>Set Slide (Đặt Slide)</b>	Hiển thị slide.
<b>Slide Transition Effect (Hiệu ứng chuyển slide)</b>	Kiểm soát hiệu ứng chuyển tiếp phát lại slide.
<b>Sort Order (Thứ tự sắp xếp)</b>	Thiết lập thứ tự của các slide.
<b>Rotate (Xoay)</b>	Thiết lập hướng xoay của hình ảnh.
<b>Best Fit (Phù hợp nhất)</b>	Thiết lập hình ảnh phù hợp với màn hình chiếu.
<b>Repeat (Lặp lại)</b>	Phát slide nhiều lần khi bật.
<b>Apply (Áp dụng)</b>	Bật cài đặt slide.

## Định dạng file được hỗ trợ

### Video

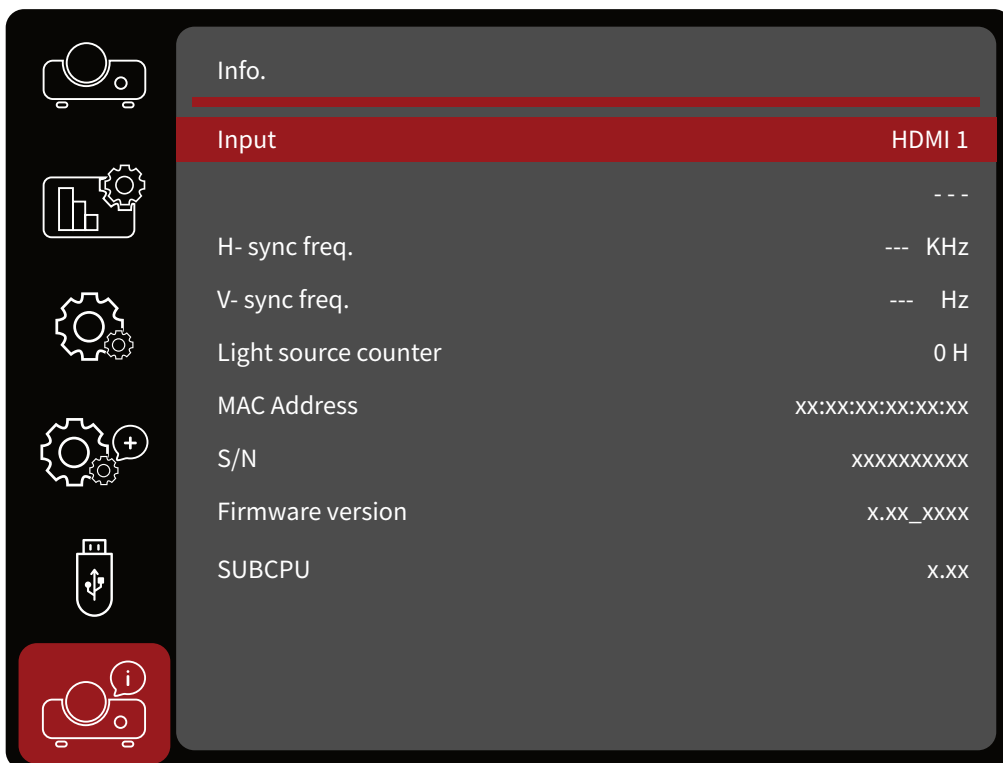
Đuôi mở rộng	Video Codec	Audio Codec	Video Format
.avi	MotionJPEG	ADPCM	1280 x 70, 30 FPS (Tối đa)

### Hình ảnh

Đuôi mở rộng	Định dạng	Mô tả
jpg/jpeg	Bộ mã hóa cơ sở 24 RGB24 bit lũy tiến	Độ phân giải tối đa: 10000 x 10000
		Độ phân giải tối đa: Độ phân giải tám nền
bmp	1.4.8 bit dựa trên bảng màu RGB24, 32 bit	Độ phân giải tối đa: 1280 x 800
png	24, 48 bit True Color	-24 bit không gian bảng màu
		Độ phân giải tối đa: 1024 x 768
gif	1, 4, 8 bit dựa trên bảng màu	Độ phân giải tối đa: 800 x 600
tiff		Độ phân giải tối đa: 800 x 600

## Information (Thông tin)

Xem nguồn đầu vào, Tần số đồng bộ ngang, Tần số đồng bộ dọc, Bộ đếm nguồn sáng, Địa chỉ MAC, Số sê-ri, Phiên bản firmware và thông tin SUBCPU.



# Phụ lục

## Thông số kỹ thuật

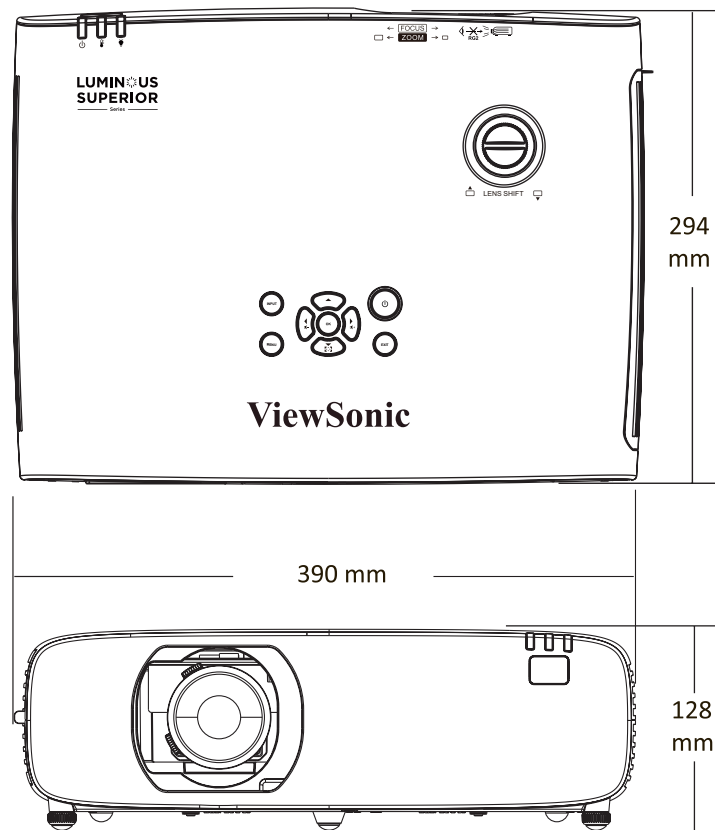
Mục	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	
		LSC520WU	LSC521WU
Máy chiếu	Loại	Laser	
	Kích thước màn hình	30"~300"	
	Tỷ lệ lệch tâm	1,08~1,76	1,2~2,01
	Ống kính	1,6x	
	Hệ thống Màn hình	3LCD	
Tín hiệu vào	HDMI	$f_h$ : 15K~100 kHz, $f_v$ : 24K~85 Hz, Tốc độ điểm ảnh: 160MHz	
	VGA	$f_h$ : 15K~100 kHz, $f_v$ : 24K~85 Hz, Tốc độ điểm ảnh: 300MHz	
Độ phân giải	Gốc	1920 x 1200	
Nguồn điện	Điện áp đầu vào	Điện AC 100-240V, 50/60 Hz (tự chuyển đổi)	
Các điều kiện hoạt động	Độ cao	1.700 đến 3.000 m ở 0°C đến 40°C <sup>1</sup>	
		5.577,43 đến 9.842,52 ft ở 32°F đến 104°F <sup>1</sup>	
	Độ ẩm tương đối	20% đến 80% (không ngưng tụ)	
	Nhiệt độ	0°C tới 40°C	
32°F tới 104°F			
Điều kiện bảo quản	Độ ẩm tương đối	10% đến 85% (không ngưng tụ)	
	Nhiệt độ	-10°C tới 50°C	
		-14°F tới 122°F	
Kích thước	Thực tế (Rộng x Cao x Dày)	390 x 294 x 128 mm	
		15,35" x 11,57" x 5,04"	
Trọng lượng	Thực tế	5,2 kg	
		11,46 lb	
Mức tiêu thụ điện	Bật <sup>2</sup>	236W (chuẩn)	
	Tắt	< 0,5W (Chế độ chờ)	

1- Với Chế độ độ cao được bật.

2- Điều kiện thử nghiệm tuân theo tiêu chuẩn EEI.

# Kích thước máy chiếu

390 mm (Rộng) x 294 mm (Cao) x 128 mm (Dày)



# Biểu đồ định giờ

## Tín hiệu máy tính

Độ phân giải	Tốc độ làm mới
720 x 480i	60 Hz
720 x 576i	50 Hz
720 x 480p	60 Hz
720 x 576p	50 Hz
1280 x 720p	50, 60 Hz
1920 x 1080i	50, 60 Hz
1920 x 1080p	24, 50, 60 Hz
640 x 480	60, 67, 72, 75, 85 Hz
800 x 600	56, 60, 72, 75, 85 Hz
832 x 624	75 Hz
1024 x 768	60, 70, 75, 85 Hz
1152 x 864	70, 75 Hz
1280 x 720	60 Hz
1280 x 768	60, 75, 85 Hz
1280 x 800	60, 75, 85 Hz
1280 x 960	60 Hz
1280 x 1024	60, 72, 75, 85 Hz
1366 x 768	60 Hz
1400 x 1050	60, 75 Hz
1440 x 900	60 Hz
1600 x 900	60 Hz
1680 x 1050	60 Hz
1920 x 1080	60 Hz
1920 x 1200	60 Hz

## Tín hiệu HDMI

### Video HDMI

<b>Độ phân giải</b>	<b>Tốc độ làm mới</b>
720 x 480p	60 Hz
720 x 480i	60 Hz
720 x 576p	50 Hz
720 x 576i	60 Hz
1280 x 720p	50, 60 Hz
1920 x 1080i	50, 60 Hz
1920 x 1080p	24, 50, 60 Hz

### HDMI PC

<b>Độ phân giải</b>	<b>Tốc độ làm mới</b>
640 x 480	60, 67, 72, 75, 85 Hz
800 x 600	56, 60, 72, 75, 85 Hz
832 x 624	75 Hz
1024 x 768	60, 70, 75, 85 Hz
1152 x 864	70, 75 Hz
1280 x 720	60 Hz
1280 x 768	60, 75, 85 Hz
1280 x 800	60, 75, 85 Hz
1280 x 960	60 Hz
1280 x 1024	60, 72, 75, 85 Hz
1366 x 768	60 Hz
1400 x 1050	60, 75 Hz
1440 x 900	60 Hz
1600 x 900	60 Hz
1680 x 1050	60 Hz
1920 x 1080	60 Hz
1920 x 1200	60 Hz
3840 x 2160	30 Hz



## Khắc phục sự cố

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Máy chiếu không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo dây nguồn được cắm đúng cách vào máy chiếu và ổ cắm điện.</li><li>• Nếu quá trình để nguội chưa kết thúc, hãy đợi cho đến khi kết thúc rồi thử bật lại máy chiếu.</li><li>• Nếu cách trên không hiệu quả, hãy thử ổ cắm điện hoặc thiết bị điện khác có cùng ổ cắm điện.</li></ul>
Không có hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo đã cắm cáp nguồn video đúng cách và đã bật nguồn video.</li><li>• Nếu nguồn đầu vào không được chọn tự động, hãy chọn đúng nguồn bằng “Source Input” trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.</li></ul>
Hình ảnh bị nhòe	<ul style="list-style-type: none"><li>• Điều chỉnh lấy nét bằng Vòng lấy nét sẽ giúp lấy nét chính xác cho ống kính máy chiếu.</li><li>• Đảm bảo máy chiếu và màn hình được căn chỉnh thích hợp. Nếu cần, điều chỉnh chiều cao máy chiếu cũng như góc và hướng chiếu.</li></ul>
Hình ảnh bị đảo ngược	<ul style="list-style-type: none"><li>• Mở Menu OSD và đi tới: <b>Setup &gt; Projection</b> và điều chỉnh tùy chọn trình chiếu.</li></ul>
Hình ảnh bị kéo dài khi chiếu DVD 16:9	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khi bạn phát đĩa DVD anamorphic hoặc DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh đẹp nhất ở 16:9.</li><li>• Nếu bạn phát nội dung DVD định dạng 4:3, vui lòng thay đổi định dạng thành 4:3 trong Menu OSD của máy chiếu.</li><li>• Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị theo tỷ lệ khung hình 16:9 (rộng) trên đầu đĩa DVD.</li></ul>

<b>Vấn đề hoặc sự cố</b>	<b>Giải pháp khả thi</b>
Nếu điều khiển từ xa không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo không có chướng ngại vật giữa bộ điều khiển từ xa và máy chiếu; và rằng chúng nằm trong phạm vi 8 m (26 ft.).</li> <li>• Pin có thể hết thời hạn sử dụng , hãy kiểm tra và thay thế nếu cần thiết.</li> </ul>
Máy chiếu ngừng phản hồi với tất cả các điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt máy chiếu và rút dây nguồn. Đợi ít nhất 20 giây rồi kết nối lại và thử lại.</li> </ul>

## Đèn báo LED

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt. Rút dây nguồn ra khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu các đèn cảnh báo tiếp tục sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để được hỗ trợ.

<b>Trạng thái và mô tả</b>	<b>Đèn báo nguồn</b>	<b>Đèn báo trạng thái</b>	<b>Đèn báo nguồn sáng</b>
<b>Chế độ chờ bình thường (&gt; 0.5W)</b>	Màu cam cố định	Tắt	Tắt
<b>Mạng/Chế độ chờ ECO (&lt; 0.5W)</b>	Màu cam nhấp nháy	Tắt	Tắt
<b>Bật nguồn (Cảnh báo)</b>	Màu cam nhấp nháy	Tắt	Tắt
<b>Tắt nguồn (Nguội)</b>	Màu đỏ nhấp nháy	Tắt	Tắt
<b>Lỗi nguồn sáng</b>	Đỏ cố định	Đỏ cố định	Đỏ cố định
<b>Lỗi quạt</b>	Đỏ cố định	Màu cam nhấp nháy	Tắt
<b>Lỗi nhiệt độ</b>	Đỏ cố định	Màu đỏ nhấp nháy	Tắt
<b>Lỗi bộ lọc</b>	Màu xanh cố định	Màu đỏ nhấp nháy	Tắt

# Bảo dưỡng

## Biện pháp phòng ngừa chung

- Đảm bảo đã tắt máy chiếu và rút cáp nguồn ra khỏi ổ cắm điện.
- Đừng bao giờ tháo bất kỳ bộ phận nào khỏi máy chiếu. Liên hệ với ViewSonic® hoặc đại lý bán lẻ khi bạn cần thay thế bất kỳ bộ phận nào của máy chiếu.
- Đừng bao giờ xịt hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên vỏ máy.
- Hãy cầm nắm máy chiếu cẩn thận vì nó có màu tối hơn; nếu bị trầy xước, máy chiếu có thể hiện các dấu vết rõ hơn so với máy chiếu màu sáng hơn.

## Vệ sinh ống kính

- Dùng bình khí nén thổi sạch bụi.
- Nếu ống kính vẫn chưa sạch, hãy dùng giấy vệ sinh ống kính hoặc thấm ướt khăn mềm bằng dung dịch vệ sinh ống kính và lau nhẹ lên bề mặt.

**THẬN TRỌNG:** Đừng bao giờ chà xát ống kính bằng chất liệu ăn mòn.

## Lau vỏ máy chiếu

- Sử dụng khăn mềm khô không có xơ để loại bỏ bụi bẩn.
- Nếu vỏ máy vẫn chưa sạch, hãy bôi nhẹ một lượng nhỏ chất tẩy rửa không chứa amoniac, cồn và chất ăn mòn lên khăn mềm sạch không có xơ rồi lau sạch bề mặt.

**THẬN TRỌNG:** Đừng bao giờ sử dụng sáp, cồn, benzen, chất pha loãng hoặc chất tẩy rửa hóa học khác.

## Cất giữ máy chiếu

Nếu bạn định cất giữ máy chiếu trong một thời gian dài:

- Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực cất giữ phải nằm trong phạm vi khuyến nghị.
- Rút gọn hoàn toàn chân điều chỉnh.
- Tháo pin ra khỏi điều khiển từ xa.
- Đóng gói máy chiếu bằng hộp đựng gốc hoặc hộp đựng tương đương.

## Khước từ trách nhiệm

- ViewSonic® không khuyến dùng bất kỳ chất tẩy rửa có chứa amoniac hoặc cồn để lau ống kính hoặc vỏ máy chiếu. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo làm hỏng ống kính và/hoặc vỏ máy chiếu.
- ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn.

## Vệ sinh bộ lọc

Vui lòng làm theo các bước sau để vệ sinh bộ lọc của bạn:

1. Tắt máy chiếu và rút phích cắm khỏi nguồn điện.
2. Tháo bộ lọc.
3. Nhẹ nhàng vệ sinh bộ lọc bằng chổi.
4. Thay bộ lọc, đảm bảo bộ lọc đã được lắp hoàn toàn.

**THẬN TRỌNG:** Không vận hành máy chiếu sau khi tháo bộ lọc. Nếu không, bụi sẽ bám vào cụm ống kính, làm giảm chất lượng hình ảnh.

# Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định

## Thông tin tuân thủ

Phần này đề cập đến tất cả các yêu cầu và tuyên bố liên quan đến quy định. Các ứng dụng tương ứng đã được xác nhận sẽ đề cập đến nhãn tên và các dấu hiệu liên quan trên thiết bị.

### Tuyên bố Tuân thủ FCC

Thiết bị này phù hợp với điều 15 của Quy định FCC. Hoạt động tùy thuộc vào hai điều kiện sau đây: (1) thiết bị này không được gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ nhiễu nào nhận được, bao gồm cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được kiểm tra và tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Hạng B, theo Phần 15 của quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng, và có thể phát năng lượng tần số vô tuyến, nếu không được cài đặt và sử dụng phù hợp theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho thông tin vô tuyến. Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng không xảy ra nhiễu ở một cài đặt cụ thể nào đó. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng đài phát thanh hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị, khuyến khích người dùng thử sửa chữa nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí của ăng-ten thu sóng.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và đầu thu.
- Kết nối thiết bị vào một ổ cắm trên mạch khác với mạch nối với đầu thu.
- Tham khảo ý kiến đại lý hoặc kỹ thuật viên đài phát thanh/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

**CẢNH BÁO:** Bạn được cảnh báo rằng các thay đổi hoặc sửa đổi nào không được chấp thuận rõ ràng bởi các bên chịu trách nhiệm về việc tuân thủ có thể làm mất hiệu lực quyền của người dùng để sử dụng thiết bị.

### Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada

This Class B digital apparatus complies with Canadian ICES-003.

Cet appareil numérique de classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

CAN ICES (B) / NMB (B)

## Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

**CE** Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU. Chỉ thị thiết kế sinh thái 2009/125/EC và Chỉ thị thiết bị vô tuyến 2014/53/EU.

### Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu hiệu bên phải là tuân thủ Chỉ thị về Rác thải Điện và Điện tử số 2012/19/EU (WEEE). Dấu hiệu cho biết yêu cầu KHÔNG xử lý các thiết bị là rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.



## Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65 /EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nồng độ thực tế
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Cadmium (Cd)	0,01%	< 0,01%
Crom hóa trị sáu (Cr <sup>6+</sup> )	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0,1%	< 0,1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis (2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

**Một số thành phần của các sản phẩm như đã nêu ở trên được miễn theo Phụ lục III của Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây:**

- Thủy ngân trong đèn huỳnh quang catốt lạnh và đèn huỳnh quang điện cực ngoài (CCFL và EEFL) cho các mục đích đặc biệt không vượt quá (trên mỗi đèn):
  - » Chiều dài thuộc loại ngắn (500 mm): tối đa 3,5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại trung bình (> 500 mm và 1.500 mm): tối đa 5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại dài (>1.500 mm): tối đa 13 mg mỗi đèn.
- Chì trong thủy tinh của đèn tia catốt.
- Chì trong kính của đèn huỳnh quang không quá 0,2% trọng lượng.
- Chì như một thành phần hợp kim trong nhôm chứa đến 0,4% trọng lượng chì.
- Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì.
- Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng chì trở lên).
- Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.



### **Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại**

Thông báo về hạn chế các chất nguy hiểm độc hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy tắc xử lý chất thải điện tử của Ấn Độ 2011" cấm sử dụng chì, thủy ngân, crom hóa trị sáu, biphenyl đa bội hoặc ete diphenyl polybrominated ở nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng đối với cadmium, ngoại trừ các ngoại lệ trong Mục 2 của Quy tắc.

### **Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ**

ViewSonic® tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống thân thiện với môi trường. Cảm ơn bạn đã tham gia vào chương trình Smarter, Greener Computing. Hãy truy cập trang web ViewSonic® để tìm hiểu thêm.

### **Mỹ & Canada:**

<https://www.viewsonic.com/us/go-green-with-viewsonic>

### **Châu Âu:**

<https://www.viewsonic.com/eu/environmental-social-governance/recycle>

### **Đài Loan:**

<https://recycle.moenv.gov.tw/>

**Đối với người dùng tại Liên minh Châu Âu, vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có bất kỳ vấn đề an toàn/tai nạn nào xảy ra với sản phẩm này:**

Công ty TNHH ViewSonic Châu Âu



Haaksbergweg 75  
1101 BR Amsterdam  
Netherlands



+31 (0) 650608655



[EPREL@viewsoniceurope.com](mailto:EPREL@viewsoniceurope.com)



<https://www.viewsonic.com/eu/>

## Thông Tin Bản Quyền

Bản quyền © Công ty ViewSonic®, 2024. Bảo lưu mọi bản quyền.

Macintosh và Power Macintosh là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Apple.

Microsoft, Windows và logo Windows là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Microsoft tại Mỹ và các quốc gia khác.

ViewSonic® và logo ba chú chim là thương hiệu đã đăng ký của ViewSonic® Corporation.

VESA là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS, DisplayPort và DDC là thương hiệu của VESA.

ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA).

Với tư cách là đối tác của ENERGY STAR®, Công ty ViewSonic® đã xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các nguyên tắc của ENERGY STAR® về hiệu quả năng lượng.

**Miễn trừ trách nhiệm:** Công ty ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc những thiếu sót có trong sổ hướng dẫn sử dụng này; Công ty cũng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả từ việc cung cấp vật liệu này, hoặc việc sử dụng hoặc hiệu suất của sản phẩm này.

Với mong muốn tiếp tục cải tiến sản phẩm, Công ty ViewSonic® có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo. Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Không được phép sao chép, tái bản hoặc truyền tải bất cứ phần nào của tài liệu này dưới mọi hình thức, vì bất kỳ mục đích nào mà không có văn bản cho phép trước của Công ty ViewSonic®.

## Dịch vụ Khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, xem bảng bên dưới hoặc liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.

**LƯU Ý:** Bạn sẽ cần số sê-ri của sản phẩm.

Quốc gia/ Khu vực	Trang web	Quốc gia/ Khu vực	Trang web
<b>Châu Á Thái Bình Dương &amp; Châu Phi</b>			
Úc	<a href="http://www.viewsonic.com/au/">www.viewsonic.com/au/</a>	Bangladesh	<a href="http://www.viewsonic.com/bd/">www.viewsonic.com/bd/</a>
中国 (Trung Quốc)	<a href="http://www.viewsonic.com.cn">www.viewsonic.com.cn</a>	香港 (繁體中文)	<a href="http://www.viewsonic.com/hk/">www.viewsonic.com/hk/</a>
Hong Kong (English)	<a href="http://www.viewsonic.com/hk-en/">www.viewsonic.com/hk-en/</a>	Ấn Độ	<a href="http://www.viewsonic.com/in/">www.viewsonic.com/in/</a>
Indonesia	<a href="http://www.viewsonic.com/id/">www.viewsonic.com/id/</a>	Israel	<a href="http://www.viewsonic.com/il/">www.viewsonic.com/il/</a>
日本 (Japan)	<a href="http://www.viewsonic.com/jp/">www.viewsonic.com/jp/</a>	Hàn Quốc	<a href="http://www.viewsonic.com/kr/">www.viewsonic.com/kr/</a>
Malaysia	<a href="http://www.viewsonic.com/my/">www.viewsonic.com/my/</a>	Trung đông	<a href="http://www.viewsonic.com/me/">www.viewsonic.com/me/</a>
My-an-ma	<a href="http://www.viewsonic.com/mm/">www.viewsonic.com/mm/</a>	Nê-pan	<a href="http://www.viewsonic.com/np/">www.viewsonic.com/np/</a>
New Zealand	<a href="http://www.viewsonic.com/nz/">www.viewsonic.com/nz/</a>	Pakistan	<a href="http://www.viewsonic.com/pk/">www.viewsonic.com/pk/</a>
Philippin	<a href="http://www.viewsonic.com/ph/">www.viewsonic.com/ph/</a>	Singapore	<a href="http://www.viewsonic.com/sg/">www.viewsonic.com/sg/</a>
臺灣 (Đài Loan)	<a href="http://www.viewsonic.com/tw/">www.viewsonic.com/tw/</a>	ประเทศไทย	<a href="http://www.viewsonic.com/th/">www.viewsonic.com/th/</a>
Việt Nam	<a href="http://www.viewsonic.com/vn/">www.viewsonic.com/vn/</a>	Nam Phi & Mauritius	<a href="http://www.viewsonic.com/za/">www.viewsonic.com/za/</a>
<b>Châu Mỹ</b>			
Hoa Kỳ	<a href="http://www.viewsonic.com/us">www.viewsonic.com/us</a>	Canada	<a href="http://www.viewsonic.com/us">www.viewsonic.com/us</a>
Mỹ La-tinh	<a href="http://www.viewsonic.com/la">www.viewsonic.com/la</a>		
<b>Châu Âu</b>			
Châu Âu	<a href="http://www.viewsonic.com/eu/">www.viewsonic.com/eu/</a>	Pháp	<a href="http://www.viewsonic.com/fr/">www.viewsonic.com/fr/</a>
Deutschland	<a href="http://www.viewsonic.com/de/">www.viewsonic.com/de/</a>	Қазақстан	<a href="http://www.viewsonic.com/kz/">www.viewsonic.com/kz/</a>
Россия	<a href="http://www.viewsonic.com/ru/">www.viewsonic.com/ru/</a>	España	<a href="http://www.viewsonic.com/es/">www.viewsonic.com/es/</a>
Türkiye	<a href="http://www.viewsonic.com/tr/">www.viewsonic.com/tr/</a>	Україна	<a href="http://www.viewsonic.com/ua/">www.viewsonic.com/ua/</a>
Vương quốc Anh	<a href="http://www.viewsonic.com/uk/">www.viewsonic.com/uk/</a>		

## **Bảo hành hạn chế**

### Máy chiếu ViewSonic®

#### **Những gì được bảo hành:**

ViewSonic đảm bảo các sản phẩm không có khiếm khuyết về vật liệu và kỹ thuật chế tạo trong trường hợp sử dụng bình thường trong thời gian bảo hành. Nếu có sản phẩm được chứng minh bị lỗi về vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo trong thời gian bảo hành, ViewSonic sẽ, tùy chọn duy nhất, sửa chữa hoặc thay thế bằng sản phẩm tương tự. Sản phẩm hoặc bộ phận thay thế có thể bao gồm các bộ phận hoặc linh kiện tái sản xuất hoặc tân trang.

#### **Bảo hành chung trong giới hạn (3) năm**

Theo chế độ bảo hành hạn chế hơn một (1) năm được nêu dưới đây, ở Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm bảo hành toàn bộ và một (1) năm bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

#### **Bảo hành sử dụng nặng giới hạn một (1) năm:**

Trong trường hợp sử dụng nhiều, sử dụng máy chiếu hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình hàng ngày, Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày cho đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

Bảo hành đèn theo các điều khoản và điều kiện, xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt của nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ kiện mua riêng được bảo hành trong 90 ngày.

#### **Bảo hành này áp dụng cho ai:**

Bảo hành này chỉ có hiệu lực cho người mua hàng đầu tiên.

## **Những trường hợp không được bảo hành:**

1. Sản phẩm có số sê-ri đã bị xóa, sửa đổi hoặc loại bỏ.
2. Hư hại, hư hỏng, hỏng hóc hoặc trục trặc do:
  - a. Tai nạn, lạm dụng, sử dụng không đúng cách, bỏ bê, hỏa hoạn, nước, sét hoặc các hành vi tự nhiên khác, bảo trì không đúng cách, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không tuân theo hướng dẫn được cung cấp kèm theo sản phẩm.
  - b. Sử dụng không theo các thông số kỹ thuật sản phẩm.
  - c. Sử dụng sản phẩm không theo mục đích sử dụng thông thường hoặc không theo điều kiện bình thường.
  - d. Sửa chữa hoặc cố gắng sửa chữa bởi người không được ViewSonic ủy quyền.
  - e. Hư hỏng do vận chuyển.
  - f. Việc tháo lắp sản phẩm.
  - g. Nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện áp hoặc mất điện.
  - h. Sử dụng phụ kiện hoặc bộ phận không đáp ứng thông số kỹ thuật của ViewSonic.
  - i. Hao mòn thông thường.
  - j. Bất kỳ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.
3. Áp dụng phí dịch vụ tháo, lắp và cài đặt.

## **Cách nhận được dịch vụ:**

1. Để biết thông tin về việc bảo hành theo chế độ, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ khách hàng của ViewSonic (vui lòng tham khảo trang "Hỗ trợ khách hàng"). Bạn cần cung cấp số sê-ri sản phẩm.
2. Để được bảo hành, bạn cần cung cấp (a) phiếu bán hàng ban đầu, (b) tên, (c) địa chỉ của bạn, (d) mô tả sự cố và (e) số sê-ri của sản phẩm.
3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước trong hộp đựng ban đầu đến trung tâm dịch vụ ủy quyền của ViewSonic hoặc ViewSonic.
4. Để biết thêm thông tin hoặc tên của trung tâm dịch vụ ViewSonic gần nhất, liên hệ với ViewSonic.

## **Giới hạn bảo hành ngụ ý:**

Không có bảo hành, rõ ràng hay ngụ ý, vượt ra ngoài mô tả trong tài liệu này bao gồm bảo hành ngụ ý về tính thương mại và sự phù hợp cho một mục đích cụ thể.

**Loại trừ thiệt hại:**

ViewSonic chỉ chịu trách nhiệm về chi phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm.

ViewSonic sẽ không chịu trách nhiệm về:

1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào của sản phẩm, thiệt hại do sự bất tiện, mất khả năng sử dụng sản phẩm, mất thời gian, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh, mất thiện chí, can thiệp vào các mối quan hệ kinh doanh hoặc tổn thất thương mại khác, ngay cả khi được thông báo về khả năng thiệt hại như vậy.
2. Bất kỳ thiệt hại nào khác, cho dù là ngẫu nhiên, hậu quả hoặc cách khác.
3. Khiếu nại chống lại khách hàng của bất kỳ bên nào khác.

**Hiệu lực của luật địa phương:**

Bảo hành này cho phép bạn có các quyền pháp lý cụ thể và bạn cũng có thể có các quyền khác tùy theo tiểu bang hoặc quốc gia. Một số chính quyền địa phương không cho phép các giới hạn đối với các bảo đảm ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, do đó các hạn chế và loại trừ trên có thể không áp dụng cho bạn.

**Sản phẩm bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada:**

Để biết thông tin bảo hành và dịch vụ trên các sản phẩm ViewSonic được bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada, hãy liên hệ với ViewSonic hoặc đại lý ViewSonic tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này tại Trung Quốc đại lục (Không bao gồm Hồng Kông, Macao và Đài Loan) tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành bảo trì.

Đối với người dùng ở Châu Âu và Nga, có thể xem chi tiết đầy đủ về bảo hành được cung cấp trong [www.viewsoniceurope.com](http://www.viewsoniceurope.com) trong mục Thông tin Hỗ trợ/Bảo hành.



**ViewSonic®**